

524.255/07/3

ĐC

B 454 M

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI
BAN TUYÊN GIÁO



40 Năm

ĐẢNG BỘ ĐỒNG NAI
THỰC HIỆN DI CHỨC
CỦA CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

40 Năm

**ĐẢNG BỘ ĐỒNG NAI
THỰC HIỆN DI CHỨC
CỦA CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH**

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI
BAN TUYÊN GIÁO

40 Năm

ĐẢNG BỘ ĐỒNG NAI
THỰC HIỆN DI CHỨC
CỦA CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH

THU VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY
BAN BIÊN TẬP

TS. NGUYỄN VĂN LONG

TUV, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

TS. PHẨM AN NINH

Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

TS. NGUYỄN THỊ HIỀN OANH

Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

CN. VŨ TRUNG KIÊN

Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.



Chủ tịch Hồ Chí Minh
(1890 -1969)

**BÚT TÍCH DI CHỨC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

Việt-Nam dân chủ cộng hòa
Độc lập, tự do, hạnh phúc

(Tuyệt đối bí mật)

Nhân dịp mừng 75 tuổi

Người làm thơ rất nổi tiếng, ở Trung-quốc đời nhà Đường là cụ Đỗ-Fù có câu thơ rằng: 'Nhân sinh thất thập cổ lai hy'. nghĩa là: Người thọ bảy mươi, xưa nay hiếm.

Năm nay, tôi đã 75 tuổi. Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khỏe. Tuy vậy, tôi cũng đã là lớp người 'xưa nay hiếm'

AI đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm này tháng nữa?

Vì vậy, tôi để lại mấy lời này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột.

Trước hết nói về ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ zai cấp, phục vụ nhân dân, cho nên từ ngày thành lập đến nay, ĐẢNG ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiên từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*phục vụ Tổ quốc,
(Tại Hà Nội,
H.C.M.)*

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải chú ý đến sự đoàn kết nhất trí của Đảng như sự sống còn của mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tu phê bình và tự phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. *Tai có tình d.c. thường xuyên như sau:*

ĐẢNG ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. ĐẢNG cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa 'hồng' vừa 'chuyên'.

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị đê đố phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có DẪNG, nhân dân ta luôn luôn đi theo DẪNG, rất trung thành với DẪNG.

DẪNG luôn luôn có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Nhưng sao, chúng ta phải quyết tâm đánh bại thực dân Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng thực dân Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Nhưng khổ nhân dân khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng 2 đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng nhân tộc.

Về phong trào Cộng sản thế giới - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng DẪNG ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc biệt vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mac-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

- - -

Về việc riêng - Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức đám đình, lăng mộ ngày chôn và tiến bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, nói chữ là 'hỏa táng'. Tôi mong rằng cách 'hỏa táng' này sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì 'điện táng' càng tốt hơn.

Tro xương thì tìm một quả dổi mà chôn. Gần Tam-đảo và Ba-vi như hình có nhiều dổi tốt. Trên mộ, nên xây 1 cái nhà zãn đơn, rộng rãi, chắc chắn, mat mẽ đê nhưng người đên thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây trên dổi. Ai đên thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào fải tốt cây ấy. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ lợi cho fong cảnh và lợi cho nông nghiệp.

Nếu tôi qua đời trước ngày nước ta được thông nhất, thì nên gửi một ít tro xương cho đồng bào miền Nam.

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn zãn, toàn Đảng, cho toàn thể bộ dổi, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đên các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế.

Nếu mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn zãn ta đban kết fần đầu, xây zưng một nước Việt-Nam hòa bình, thông nhất, độc lập, zãn chủ và zàu mạnh, và gop fần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thờ zói./.

Hà-nội, ngày 15 tháng 5 năm 1965.

Chứng kiến.
Bí thư thứ nhất
Ban chấp hành trung ương:
Lê Duẩn

Hồ Chí Minh

tiếng" sau này sẽ được phổ biến. Vì như thế đời 2
nổi dậy. Sông đã trôi về một về xuôi, lại khi
tên đất ruộng. Khi ta có nhiều tiền, thì "đền tống"
cũng tốt hơn.

Tro ~~trò~~ thủ chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái
hộp sơn. 1 hộp ^{cho} ~~đo~~ lại miền Bắc. 1 hộp cho miền
Trung, 1 hộp cho miền Nam.

Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đời
mà chọn hộp cho đó. Trên mã, khi nào có bia đá
trường đời, mà nên lấy 1 ngôi nhà 3 phòng, rộng
rai, chắc chắn, mát mẻ, để nghỉ ngơi. Đời thêm việc
có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây tre và chong quanh
đời. Chi đến thăm thì trồng 1 ~~trái~~ và cây làm kỷ
niệm. Lâu ngày, cây nhưu thành rừng sẽ tốt cho
fong cảnh và lời ~~cho~~ ~~suối~~ ~~ngọt~~. Việc ~~trồng~~ ~~cây~~ ~~này~~
giao phó cho ~~1 số~~ các cụ phụ lão.

phó, hàng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi công của các liệt sĩ, để đời đời nhắc nhở lòng thần yêu nước cho nhơn dân. ta

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) nhiều sức lao động và tăng thu nhập, thì chính quyền địa phương, (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã công h. t. x. nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ổn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

A
Keraty 3

(Đối với nhữg nạn nhân của chế độ sa hời cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì nhà nước phải giúp đỡ họ sửa chữa, sửa chữa ^{phải giúp} ~~phải giúp~~ để cải tạo họ, giúp họ trở nên nhữg nhữg. lao động lương thiện.

Trong bao năm khỏ chiến chử thuộc zôn Pháp, ^{Tiếp đi} ~~tiếp đi~~ chử đ. q. Mỹ, Đứ báo ta, nhất là đứ báo ^{những} zôn ~~đứ~~ luôn luôn hết sức trung thành với Đứ và ch. ^{phải} ~~phải~~ ra sức góp của góp người, ^{vai trò} ~~vai trò~~ chịu đựng mọi khỏ khần zôn khỏ. Nay ta đã hoàn toàn thỏ lợi, ^{tôi có ý} ~~tôi có ý~~
 (Xám tiếp 293B) →

DI CHÚC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(Công bố năm 1969)



VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---//---

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam - Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ, và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

*

* *

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng “nhân sinh thất thập cổ lai hy”, nghĩa là “người thọ 70, xưa nay hiếm”.

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm” nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

Trước hết nói về Đảng – Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”.

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Về phong trào cộng sản thế giới – Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

*

* *

Về việc riêng – Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

*

* *

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969

HỒ CHÍ MINH

LỜI MỞ ĐẦU

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo từ 15/5/1965, hoàn thiện ngày 10/5/1969. Trong nửa thập niên ấy, mỗi năm, gần đến ngày sinh của mình, Bác Hồ đều sửa, cân trọng từng dòng, nâng niu từng chữ. Mỗi chữ, mỗi dòng đều tỏa sáng tư tưởng và tình yêu bao la dành cho Đảng, cho nhân dân, đặc biệt cho thế hệ cách mạng đời sau. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành di sản quý báu của toàn Đảng, toàn dân ta, đã thấm sâu vào nhận thức và tình cảm thiêng liêng của mỗi người Việt Nam.

Cùng cả nước thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bốn mươi năm qua, Biên Hòa – Đồng Nai phát huy truyền thống “Miền Đông gian lao mà anh dũng”, “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”, tạo nhiều chiến công oanh liệt, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Từ sau ngày 30/4/1975, nhất là trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, tỉnh Đồng Nai đoàn kết một lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy dân chủ, huy động mọi nguồn lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát triển toàn diện, vững chắc mọi lĩnh vực, trở thành bộ phận quan trọng của đất nước trong vùng trọng điểm phát triển kinh tế phía Nam. Thành tích của Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã được Chủ tịch nước phong tặng Huân chương sao vàng và danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị 36-CT/TW ngày 02/7/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã có Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 21/8/2009 tổ chức kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tỉnh Đồng Nai. Kế hoạch đã được triển khai sâu rộng trên địa bàn tỉnh nhằm nêu bật những thành tựu thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh 40 năm qua;

nâng cao nhận thức và xây dựng điển hình làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh; làm cho những giá trị tư tưởng chính trị, lịch sử, văn hóa kết tinh trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏa sáng, phát huy trong đời sống thực tế.

Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và việc kiểm điểm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ đã thấm sâu, lan tỏa và thực sự đã trở thành nền móng tinh thần của phong trào thi đua yêu nước ở mọi địa phương, mọi giới, mọi ngành trên địa bàn tỉnh. Cách thực hiện và thể hiện của các đơn vị có khác nhau nhưng chung một hướng nhận thức và chung dòng cảm xúc của lòng yêu nước, quyết tâm xây dựng quê hương giàu đẹp; phòng cái xấu, cái ác, cái lạc hậu; chống tham nhũng, lãng phí.

Sự đa dạng, phong phú trong phong trào thi đua yêu nước trên nền tảng tinh thần đạo đức Hồ Chí Minh đã làm nở rộ nhiều gương điển hình tập thể và cá nhân ở mọi lĩnh vực của đời sống. Tại Lễ kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 01/9/2009; Ban Chỉ đạo Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tỉnh đã quyết định khen thưởng 67 điển hình cá nhân và tập thể tiêu biểu trong vườn hoa điển hình nhiều hương sắc trên địa bàn tỉnh.

Trong khi việc kiểm điểm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được thực hiện từ cơ sở, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai tổng hợp những kết quả chung của Đảng bộ tỉnh để đánh dấu một chặng đường 40 năm thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ; làm tài liệu nghiên cứu, giáo dục tư tưởng; tiếp tục tuyên truyền, vận động, thúc đẩy Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đi vào chiều sâu đạt kết quả thực chất. Tập sách gồm 3 phần:

– Phần I: Nêu tổng quát những kết quả tiêu biểu của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.

– Phần II: Các nội dung kiểm điểm việc thực hiện *Di chúc* của các Đảng ủy, cơ quan gắn với nhiệm vụ của từng đơn vị.

– Phần III: Cảm xúc cá nhân về việc thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện *Di chúc* đã thấm sâu vào mỗi người, ở các thế hệ. Phần cảm xúc cá nhân này được chọn lựa trong số hơn 5.000 bài viết thuộc mọi giới, mọi lứa tuổi. Ban Biên tập sách giữ nguyên sự thô sơ, hồn nhiên của tác giả để đảm bảo tính chân thực của cảm xúc.

– Phần phụ lục: Gồm những dãy số và hình ảnh minh họa cho nội dung các trang viết.

Tập sách nhiều trang nhưng vẫn chưa chuyển tải hết các giá trị của thực tế. Bộ phận biên tập tuy đã cố gắng hết sức nhưng vẫn không tránh khỏi những thiếu sót ngoài ý muốn.

Kính mong được người đọc lượng thứ, chia sẻ và góp ý.

HUYỀN VĂN TỚI
UVTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở ĐỒNG NAI

LÊ HỒNG PHƯƠNG

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

*(Trích phát biểu tại mít tinh kỷ niệm 40 năm thực hiện
Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đồng Nai)*

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện lịch sử vô giá kết tinh những tinh hoa đạo đức và tâm hồn cao đẹp, những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam trong mọi thời đại.

Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã được triển khai ngày càng sâu rộng và đã tạo được những chuyển biến quan trọng trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và rõ nét trong hành động đã làm rộ nở những điển hình tiên tiến làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở khắp các địa phương, ở mọi lĩnh vực, mọi tầng lớp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là những bông hoa tươi thắm dâng lên Bác Hồ kính yêu ngày hôm nay.

Kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2/9/1969 – 2/9/2009), Đảng và nhân dân ta có thể tự hào báo cáo với Bác về những thắng lợi và thành tựu đã đạt được của cách mạng Việt Nam. 40 năm qua, 40 năm phấn đấu gian khổ cũng là 40 năm trưởng thành nhanh chóng của cách mạng Việt Nam, 40 năm Đảng và nhân dân ta ra sức thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một di sản vô giá của Đảng ta, của dân tộc Việt Nam ta.

Sinh thời, trong những năm dài kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Bác Hồ không phút giây nào không nhớ đến miền Nam. Đồng thời, dẫu chưa một lần được đón Bác về thăm, nhưng Đảng bộ

và nhân dân Đồng Nai luôn một lòng, một dạ hướng về Bác, luôn vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trong kháng chiến cũng như trong hòa bình xây dựng quê hương Đồng Nai giàu đẹp. Với truyền thống của “miền Đông gian lao mà anh dũng”, Đồng Nai đã cùng cả nước quyết tâm thực hiện lời di chúc của Người, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước bằng đại chiến mùa Xuân năm 1975.

“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Đó là ham muốn tột bậc của Hồ Chủ tịch. Chính sự ham muốn tột bậc đó đã tạo nên tình yêu nước, thương dân không bờ bến của Người. Thực hiện *Di chúc* của Người, ngay sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã tập trung vào nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội và giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình đó, Đảng bộ tỉnh luôn nhận thức đúng đắn các chủ trương, nghị quyết của Đảng, vận dụng sát hợp với tình hình thực tế của địa phương, luôn giữ vững và nêu cao tinh thần đoàn kết, nhất trí cao trong nội bộ Đảng và tạo được sự đồng thuận trong nhân dân, đặc biệt là tổ chức tốt sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh qua các thời kỳ. Từ đó, phát huy được tinh thần trách nhiệm của cấp ủy các cấp, của cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ; cùng với tinh thần phấn đấu của cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị và của các tầng lớp nhân dân, của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đã tạo thành động lực to lớn thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng trong suốt chặng đường đã qua.

40 năm qua, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai luôn luôn học tập, ghi nhớ và thực hiện những lời Bác dặn trong Di chúc thiêng liêng của Người. *Thành quả nổi bật nhất* là thúc đẩy nền kinh tế liên tục giữ được mức tăng trưởng cao và khá bền vững. Cùng với xây dựng Đảng là then chốt, Đảng bộ xác định rõ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Các cấp ủy Đảng đã tập trung lãnh đạo phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài, chủ động và tích cực

hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường hợp tác với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm và trong nước để huy động sức mạnh tổng hợp cho đầu tư phát triển kinh tế – xã hội; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đạt nhiều thành tựu quan trọng, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế – xã hội trong các giai đoạn tiếp theo.

Đảng bộ tỉnh luôn xác định *văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội*, gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát huy dân chủ, giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, không ngừng quan tâm tới an sinh xã hội, ổn định và từng bước nâng cao mức sống của nhân dân. Tỉnh tập trung xây dựng một số công trình lịch sử, văn hóa lớn trên địa bàn tỉnh. Công tác giáo dục – đào tạo, công tác dân số – kế hoạch hóa gia đình, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, xóa đói giảm nghèo, xây dựng ấp, khu phố và gia đình văn hóa đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tỉnh đã lãnh đạo và tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang đấu tranh, ngăn chặn và làm thất bại âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; tổ chức tấn công trấn áp có hiệu quả những hoạt động bòn tội phạm; bảo đảm giữ vững ổn định chính trị – trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau được Đảng bộ xác định là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng phát triển không chỉ hôm nay mà còn cho cả mai sau. Với nhận thức đó, Đảng bộ Đồng Nai đã quan tâm xây dựng quy hoạch và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực lâu dài có chất lượng cao, toàn diện để phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của tỉnh nhà. Hệ thống cơ sở đào tạo và nhà trường đã chú trọng đổi mới nội dung và phương pháp, nâng cao từng bước chất lượng giáo dục toàn diện. Các trường cao đẳng, đại học đã chủ động đào tạo các ngành kinh tế – kỹ thuật hiện đại, khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả tư nhân góp phần đầu tư vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo nguồn nhân lực.

Cùng với phát triển kinh tế, Đồng Nai hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Những năm qua, tỉnh đã xây dựng, tu bổ, khôi phục, tôn tạo nhiều di tích lịch sử – văn hóa. Đó vừa là nơi du lịch, vừa là nơi giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau, đảm bảo tính kế thừa, liên tục, nhằm phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng tỉnh Đồng Nai phát triển vững chắc trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và cuộc cách mạng khoa học công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, văn minh.

40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Song cũng còn những hạn chế, khuyết điểm, đó là:

Nền kinh tế Đồng Nai trên một số lĩnh vực phát triển thiếu đồng bộ, một số yếu tố chưa thật sự bền vững và chưa tương xứng với tiềm năng, gần đây lại bị tác động mạnh bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Một số mặt trên lĩnh vực văn hóa – xã hội chưa được giải quyết tốt. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn định. Việc đổi mới nội dung, hình thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí ở một số nơi chưa đạt yêu cầu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất đạo đức, vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng bộ và sự điều hành của các cơ quan chính quyền địa phương. Những thiếu sót, khuyết điểm trên cần phải được thẳng thắn chỉ rõ để có các biện pháp khắc phục tốt trong thời gian tới.

Năm 2010, đất nước ta, dân tộc ta có nhiều ngày lễ kỷ niệm trọng đại; là năm tổ chức đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Tình hình chung của cả nước và của tỉnh tuy có nhiều thuận lợi, nhưng cũng còn rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là trên lĩnh vực kinh tế – xã hội do ảnh hưởng của tình hình suy giảm kinh tế thế giới.

Để tiếp tục cùng cả nước thực hiện thắng lợi *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh, trước mắt, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tỉnh Đồng Nai cần nỗ lực, ra sức khắc phục mọi khó khăn, vượt qua suy giảm kinh tế, thi đua hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế – xã hội năm 2010, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Đảng bộ tỉnh đã đề ra. *Những nhiệm vụ cần tập trung là:*

1. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập phẩm chất, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh: trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân, hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; giáo dục và thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; thương yêu đồng chí, đồng bào hết mực; “hy sinh tất cả vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân”. Trên cơ sở đó, thực hiện đạt kết quả cao nhất, thiết thực nhất cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, trong đó chú trọng *làm theo* và *nêu gương*, tạo sự chuyển biến rõ nét hơn nữa trong công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu ở từng tổ chức cơ sở Đảng.

Tất cả các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước, mỗi cán bộ, đảng viên cần đẩy mạnh việc xây dựng và nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân bằng những việc làm thiết thực hàng ngày, chống thái độ vô cảm, quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch, cửa quyền đối với nhân dân. Xây dựng tinh thần thương yêu, đoàn kết, hợp tác đồng chí, đồng đội, đồng nghiệp; chống chia rẽ, bè phái, cục bộ, địa phương.

2. Tiếp tục thực hiện tốt lời Bác dặn về việc đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Các cấp ủy Đảng, các đoàn thể và cả xã hội có trách nhiệm chăm lo, tạo điều kiện môi trường thuận lợi để thanh niên được rèn luyện, cống hiến và trưởng thành; được học tập, có việc làm, nâng cao thu nhập, có đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh; tạo môi trường thuận lợi nhất cho phong trào thanh thiếu nhi tỉnh nhà phát triển mạnh mẽ.

3. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đưa nền kinh tế vượt qua thời điểm khó khăn hiện nay, quan tâm toàn diện các mặt đời sống của nhân dân, có những chính sách hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng chính sách, đối tượng khó khăn, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công dân cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương trước tình hình mới để Đồng Nai trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, hoàn thành mục tiêu, phương hướng của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 5 năm (2005– 2010) thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ tỉnh.

4. Tiếp tục cùng cả nước thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại “độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển”, luôn chú trọng xây dựng và phát triển tốt các quan hệ quốc tế trong giai đoạn mới, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó lường, các quan hệ chính trị – kinh tế đan xen. Mỗi cấp ủy, đảng viên và mỗi người dân cần nắm chắc quan điểm của Đảng để thực hiện tốt quan hệ đối ngoại, hợp tác để phát triển, đảm bảo nguyên tắc độc lập, tự chủ, giữ vững quốc phòng – an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn, coi đó là những điều kiện hết sức quan trọng quyết định thắng lợi nhiệm vụ chính trị mà nhân dân giao phó.

Để tiếp tục thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta nguyện suốt đời trung thành với lý tưởng và sự nghiệp của Người, quyết tâm làm tròn nghĩa vụ cao cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân cả nước. Toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân Đồng Nai quyết tâm thực hiện thành công Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, với yêu cầu là *làm theo* Bác, bằng những hành động thiết thực nhất, có hiệu quả nhất để thỏa lòng mong ước của Bác và xứng đáng với tình thương yêu mà Bác Hồ đã dành cho miền Nam, trong đó có quê hương Đồng Nai của chúng ta.

Phần I

**NHỮNG KẾT QUẢ TIÊU BIỂU CỦA
ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
TRONG 40 NĂM THỰC HIỆN
DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ – PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỰC HIỆN MỤC TIÊU “NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CHO NHÂN DÂN”

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã ra đi. Đồng bào ta đau thương vô hạn, tiếc thương khôn xiết, khi nghe *Điều vắn* với giọng đọc đầy xúc động của đồng chí Lê Duẩn tại quảng trường Ba Đình lịch sử ngày 9 tháng 9 năm ấy: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”⁽¹⁾.

Mọi người xúc động nhưng vững tin, nén nỗi đau hương về nhiệm vụ phía trước: “Vĩnh biệt chúng ta, Bác Hồ có để lại cho Đảng ta, cho toàn thể đồng bào và chiến sĩ hai miền Nam – Bắc một bản *Di chúc* lịch sử. Đó là những lời căn dặn cuối cùng của Bác, là những tình cảm và niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau. Chúng ta hãy xứng đáng với Bác hơn nữa! Hãy nén đau thương, anh dũng phấn đấu, hăng hái vươn lên, đập bằng mọi trở lực, chông gai, quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, thực hiện lời thề danh dự trong giờ phút vĩnh biệt thiêng liêng này!”⁽²⁾.

¹ *Điều vắn* của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc ngày 9 tháng 9 năm 1969.

² Như trên.

Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, thay mặt đồng bào và chiến sĩ đã *tuyên thệ* trước vong linh của Người:

“Dem hết sức mình tiếp tục phấn đấu thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cao đẹp mà Người đã vạch ra cho giai cấp công nhân và nhân dân ta, đem lại phần vinh cho đất nước, hạnh phúc cho đồng bào”⁽¹⁾.

Thực hiện *Di chúc* của Người, 40 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ cứu nước đi đến thắng lợi hoàn toàn và đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng trong quá trình lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta có những thiếu sót, thậm chí là sai lầm, gây nên những khó khăn, làm kìm hãm tốc độ phát triển, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội nghiêm trọng, nhất là trong hơn 10 năm đầu sau ngày giải phóng miền Nam. Nguyên nhân của những hạn chế, sai lầm trên như Đảng ta đã khẳng định là do chủ quan, nóng vội, muốn đốt cháy giai đoạn... Chúng tôi cho rằng còn một nguyên nhân chủ quan khác, nhưng cái chủ quan này lại do cái khách quan quy định; đó là việc xây dựng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa cụ thể sao cho phù hợp với đặc điểm của Việt Nam cùng với cách thức, bước đi cụ thể để thực hiện mô hình ấy trong một đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, chưa có tiền lệ trong lịch sử (bằng logic của sự phát triển, Mác chỉ mới phác thảo những nét cơ bản về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong tương lai; mặt khác, trong thực tiễn vẫn chưa có tiền lệ về sự thành công của một nước từ sản xuất nhỏ quá độ lên chủ nghĩa xã hội). Chưa có được mô hình cụ thể chẳng khác nào xây ngôi nhà nhưng chưa có bản vẽ thiết kế chi tiết. Mặt khác, nếu đó là một mô hình sao chép thì khó có thể phù hợp với đặc điểm của đất nước, của con người Việt Nam và do đó không thể thực hiện thành công.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 1996, tr.517.

Để khắc phục những hạn chế, sai lầm, xây dựng được đường lối cách mạng đúng đắn đòi hỏi Đảng ta phải nắm vững các quy luật khách quan, đồng thời phải vận dụng các quy luật ấy một cách sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế của đất nước. Nếu như ở Đại hội VI, Đảng ta xác định: “Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng”⁽¹⁾... thì đến Đại hội VII, Đảng ta khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”⁽²⁾. Và cũng trong Đại hội này, cụm từ “*dân giàu, nước mạnh*” được nêu trong *Cương lĩnh* xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ như là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc cụ thể hóa mô hình xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong toàn văn của *Di chúc*, khi đề cập đến những vấn đề có tính chất nội bộ như nói về Đảng, về đoàn viên thanh niên, về nhân dân lao động ở nước ta, Hồ Chí Minh không hề dùng đến thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” hay “chủ nghĩa cộng sản”. Như vậy, phải chăng trong quan niệm của Người chủ nghĩa cộng sản không còn là lý tưởng phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta? Trong một thời gian dài, khi nói đến tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản, nhiều người chỉ đề cập đến khía cạnh quan hệ xã hội, chỉ thấy đó là xã hội mà mọi người đều bình đẳng, quan hệ người bóc lột người hoàn toàn bị thủ tiêu. Cho nên, khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền, để thể hiện tính ưu việt ấy, mọi quyết sách chính trị hầu như đều hướng tới nhanh chóng xóa bỏ bóc lột, xây dựng mối quan hệ bình đẳng giữa người và người, làm cho người lao động trở thành người chủ xã hội. Và để thực hiện được điều đó, việc cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới luôn được đặt nặng. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960) của Đảng nêu rõ:

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2005, tr.133.

² Sdd, tr.329.

“Trong thời kỳ đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm, đồng thời tiến hành một bước việc xây dựng chủ nghĩa xã hội; khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định thì chúng ta cần chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾ và tiếp theo đó, Đại hội IV và V đều ra nghị quyết kết thúc nhiệm kỳ phải căn bản hoàn thành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Điều đó cho thấy, khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được hiểu một cách phiến diện, không đầy đủ, hầu như nó chỉ được tiếp cận chủ yếu dưới góc độ chính trị – xã hội mà quên đi mặt kinh tế, không thấy được vai trò quyết định của lực lượng sản xuất, trong khi đó Lênin từng khẳng định rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thắng lợi khi nó tạo ra một năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Mặt khác, từ những bất công trong xã hội dựa trên nền tảng của chế độ người bóc lột người, sự giàu có của người này là nhờ vào sự bóc lột đối với những người khác, nhiều người đã đồng nhất khái niệm “người giàu” với khái niệm “kẻ bóc lột” dẫn đến tình trạng những người khá giả thường bị thành kiến, nhiều người sợ mang tiếng là bóc lột nên không dám nuôi ước vọng làm giàu, hoặc nếu thực tế có thu nhập cao hơn người khác thì cũng phải giấu giếm, không dám bộc lộ công khai. Trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước trước đây, hầu như ta chỉ thấy chữ *giàu* chỉ gắn với đất nước, Tổ quốc (xây dựng đất nước mạnh giàu, Tổ quốc giàu đẹp).

Chúng tôi cho rằng sở dĩ trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh không trực tiếp dùng từ chủ nghĩa xã hội mà lại căn dặn: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”⁽²⁾, “xây dựng một nước Việt Nam

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 21, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2002, tr.532.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 1996, tr.498.

hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”⁽¹⁾ chính là nhằm khắc phục những nhận thức chưa đầy đủ về chủ nghĩa xã hội trong nhiều năm qua.

Khi khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội là không có tình trạng người bóc lột người, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở chúng ta phải hết sức chú trọng tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, tức là phải đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, bởi vì nếu nền kinh tế đất nước vẫn còn trong tình trạng sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu thì dù mối quan hệ giữa người và người trong xã hội có tốt như thế nào chăng nữa thì cũng không thể gọi đó là chủ nghĩa xã hội. Sự công bằng, bình đẳng giữa các cá nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa không phải là chia đều sự đói nghèo cho mọi người.

Có thể thấy trong suốt cuộc đời hoạt động và nhất là khi ở cương vị Chủ tịch nước, mối quan tâm hàng đầu của Người chính là nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân. Người nói: “... Tất cả những việc Đảng và Chính phủ đề ra đều nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân. Làm gì mà không nhằm mục đích ấy là không đúng”⁽²⁾ hay: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”⁽³⁾, “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”⁽⁴⁾

Đối với công tác cải tạo, xây dựng hợp tác xã, Người luôn đòi hỏi phải xem trọng chất lượng, tức là phải làm sao cho năng suất lao động và đi liền với nó là đời sống của người lao động phải cao hơn làm ăn cá thể. Người nói: “Trước hết ta cần nhận rõ mục đích của việc tổ chức hợp tác xã là gì? Là để cải thiện đời sống nông dân, làm cho nông dân

¹ Sdd, tập 12, tr.500.

² Sdd, tập 8, tr.150.

³ Sdd, tập 10, tr.271.

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1996, tr.17.

được no ấm, mạnh khỏe, được học tập, làm cho dân giàu nước mạnh. Dân có giàu thì nước mới mạnh. Đó là mục đích riêng và mục đích chung của việc xây dựng hợp tác xã... Việc xây dựng hợp tác xã cần chú trọng đến chất lượng, không nên chạy theo số lượng”⁽¹⁾; và “Phải làm thế nào cho xã viên trong hợp tác xã thu nhập nhiều hơn thu nhập của nông dân trong tổ đổi công và tổ viên trong tổ đổi công thu nhập nhiều hơn thu nhập của nông dân còn làm ăn riêng lẻ”⁽²⁾. Như vậy theo quan điểm của Người, hợp tác xã được gọi là có chất lượng là phải làm cho dân giàu, dân giàu là mục đích trực tiếp của công tác cải tạo, nếu cải tạo mà không làm cho dân giàu lên thì không thể coi đó là kế hoạch tốt và đúng đắn.

Chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ cho nên dù công tác cải tạo có làm tốt đến đâu thì cũng chưa thể gọi là có chủ nghĩa xã hội, cái thiếu lớn nhất của chúng ta là cơ sở vật chất – yếu tố có tính chất là nền tảng; chưa xây dựng được công nghiệp hiện đại thì những quan hệ sản xuất có được do gò ép chỉ mang tính hình thức, không thể hiện được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và cũng không tồn tại vững chắc. Năm 1960, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, Người nói: “Đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”⁽³⁾.

Mặc dù trong *Văn kiện Đại hội IV* xác định: “Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng... trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là

¹ Sđd, tập 9, tr.537-538.

² Sđd, tập 9, tr.410.

³ Sđd, tập 10, tr.13.

then chốt...⁽¹⁾, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội⁽²⁾” nhưng lại đặt cách mạng quan hệ sản xuất trước cách mạng khoa học kỹ thuật và chủ trương kết thúc nhiệm kỳ là phải hoàn thành công tác cải tạo⁽³⁾, chứng tỏ cách mạng quan hệ sản xuất vẫn được ưu tiên, công tác cải tạo vẫn là nhiệm vụ chủ yếu. Việc cải tạo tư sản mà chúng ta tiến hành trong thời kỳ đầu sau ngày miền Nam giải phóng chỉ mới dừng lại ở chỗ bước đầu xóa bỏ bóc lột nhưng chưa có ý nghĩa thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, thậm chí có nơi sản xuất bị thu hẹp. Như thế có thể nói lúc đó chúng ta đã thực hiện việc “xóa giàu”, làm cho họ bình đẳng với người nghèo! Trong khi đó, vào năm 1959, tức là cách nay 50 năm, trong Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi trước Quốc hội khóa I, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra chủ trương: “Đối với những nhà tư sản công thương, Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ; mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kế hoạch kinh tế của Nhà nước. Đồng thời Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức công tư hợp doanh và những hình thức cải tạo khác”⁽⁴⁾.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội không phải làm cho kẻ giàu biến thành người nghèo mà là làm sao cho dân nghèo trở thành người giàu. Điều đó chỉ có thể thực hiện được bằng con đường đẩy mạnh sản xuất và do đó một chủ trương, chính sách chỉ có thể được coi là đúng đắn khi nó có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Người nói: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân. Muốn đảm bảo đời sống sung sướng mãi mãi, phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phải xây dựng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, H, 1977, tr.67.

² Sđđ, tr.57.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, H, 1977, tr.69.

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2002, tr.589.

công nghiệp nặng. Như thế phải vừa cải thiện đời sống, vừa tích lũy. Cải thiện đời sống từng bước theo khả năng, đồng thời phải tích lũy để kiến thiết”⁽¹⁾... “Muốn đạt mục đích đó, thì nhân dân ta phải ra sức *thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*”⁽²⁾.

Công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng trong gần 25 năm qua đã đạt những thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử, đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt... Những thành tựu ấy gắn liền với sự đổi mới, phát triển về quan điểm lý luận của Đảng ta về công cuộc đổi mới, về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Từ chỗ quá thiên về công tác cải tạo, tập trung xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức là toàn dân và tập thể chuyển sang tập trung cho xây dựng, “ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa [...] phát triển nền kinh tế nhiều thành phần”⁽³⁾; từ chỗ “xóa giàu” chuyển sang “xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng”⁽⁴⁾; từ chỗ quan niệm một cách phiến diện, quá thiên về góc độ giai cấp, chính trị xã hội chuyển sang cái nhìn toàn diện về chủ nghĩa xã hội: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...”⁽⁵⁾.

¹ Sđd, tập 10, tr.159.

² Sđd, tr.556.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2005, tr.638, 643.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2006, tr.77.

⁵ Sđd, tr.68.

Vào những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, cải tổ, đổi mới là yêu cầu khách quan đối với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Nếu không cải tổ, đổi mới thì chủ nghĩa xã hội hiện thực không đủ mạnh và không thể tiếp tục tồn tại. Vấn đề là đổi mới như thế nào? Để tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta, với tính cách là chủ thể của quá trình ấy, đã bắt đầu từ sự đổi mới tư duy, thay đổi nhận thức. Bản thân đổi mới là một sự phủ định. Phủ định biện chứng, khoa học là phải đào thải những gì lạc hậu, lỗi thời, loại bỏ những gì trái quy luật, kìm hãm sự phát triển nhưng phải biết giữ lại, tôn tạo và phát triển những gì là đúng đắn, tiến bộ. Sự thành công và cũng là sự thể hiện bản lĩnh chính trị, bản chất khoa học của Đảng ta là không từ bỏ, không xa rời chủ nghĩa Mác – Lênin, mà chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của Đảng với yêu cầu là phải nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển cho phù hợp hoàn cảnh Việt Nam và với tình hình thế giới hiện nay.

“Dân giàu, nước mạnh” là điều ước vọng từ ngàn đời nay. Điều đó khó có thể thực hiện trọn vẹn trong các chế độ xã hội dựa trên nền tảng của chế độ người bóc lột người. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể thực hiện điều đó một cách đúng nghĩa. Một xã hội mà ở đó hầu hết người dân còn nghèo khổ thì không thể coi đó là một xã hội tốt đẹp. Vì vậy, “dân giàu” phải được coi là tiêu chí hàng đầu thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Đặt “Dân giàu, nước mạnh” thành mục tiêu hàng đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa chính là chúng ta đã nhận thức đúng tư tưởng Hồ Chí Minh và thực hiện đúng theo *Di chúc* của Người.

Có thể nói, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chứa đựng nhiều quan điểm chỉ đạo mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc. Qua mỗi chặng đường lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, chúng ta lại nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn tinh thần và nội dung của *Di chúc*. Tinh thần và nội dung đó là thước đo tính đúng đắn của các chủ trương đường lối, thước đo tinh thần yêu nước, sáng tạo của mỗi tổ chức đảng và đảng viên vì mục tiêu phấn đấu “xây dựng một nước Việt Nam hòa

bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” như mong ước của Người.

Trải qua 40 năm, kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xa đến nay (2/9/1969 – 2/9/2009), cách mạng Việt Nam đã trải qua nhiều thách thức to lớn, song dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với quyết tâm thực hiện thật tốt *Di chúc* thiêng liêng của Người, cách mạng Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Đó là những thành quả to lớn để giờ đây chúng ta có thể vui mừng báo cáo với Bác về những gì đã làm được và sẽ tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa những mong mỏi, ước nguyện của Bác trước lúc đi xa.

Di chúc được công bố ngay sau khi Bác qua đời đã trở thành một nguồn cổ vũ lớn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, thống nhất đất nước và đưa nước nhà vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong *Di chúc*, cũng như tất cả các tác phẩm của Bác bao giờ cũng giản dị, dễ hiểu đối với nhân dân, trước hết đối với công – nông. Nó luôn luôn hàm chứa những tư tưởng lý luận và thực tiễn rất sâu sắc.

Mở đầu bản *Di chúc*, Bác Hồ đã nói ngay về cuộc chống Mỹ, cứu nước. Bởi sự ngưỡng mộ Bác, niềm tin và làm theo lời Bác chiếm vị trí tuyệt đối trong khối óc, trái tim và hành động của người Việt Nam yêu nước lại gắn liền mật thiết với sự lo âu khi Bác qua đời trong lúc sự nghiệp cách mạng hàng đầu còn đang dang dở.

Hàng triệu triệu người Việt Nam đã theo lời Bác dạy: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “mất nước là mất tất cả”, cho nên không có gì lo lắng hơn số phận của công cuộc kháng chiến cứu nước lúc bấy giờ khi không còn Bác trực tiếp dẫn dắt. Chính vì vậy, không phải bắt đầu bằng cách nói triết lý về cái sống cái chết, bằng việc riêng hay bằng vai trò lãnh đạo của Đảng, đành rằng những vấn đề đó đều là đặc sắc của bản *Di chúc*, mà Bác Hồ đã mở đầu *Di chúc* bằng cách căn dặn:

“Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”.

Nói về công cuộc chống Mỹ, cứu nước là nói trúng vào tâm lý của người Việt Nam yêu nước lúc bấy giờ. Đó là một mẫu mực về nghệ thuật tuyên truyền, nghệ thuật công tác tư tưởng, nghệ thuật của người lãnh đạo, quản lý. Làm *đúng* những quy luật của tâm lý học không chỉ cần đối với nghề dạy học, mà thật vô cùng cần thiết đối với người cán bộ tuyên huấn, cán bộ dân vận và mọi cán bộ lãnh đạo.

Sự nghiệp kháng chiến cứu nước của chúng ta không phải nhờ vào may rủi, mà thắng lợi của nó là kết quả của sự vận động của quy luật khách quan, là sự kết hợp hài hòa của nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan. Đó là thắng lợi của sự nghiệp chính nghĩa, phù hợp với sự tiến bộ xã hội, được nhân dân thế giới nhiệt liệt đồng tình và ủng hộ, kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, là thắng lợi của sức mạnh thần kỳ của chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

Hơn nữa, lời căn dặn của Bác về thắng lợi cuối cùng thuộc về nhân dân ta còn xuất phát từ thực tiễn sống động mà nhân dân ta đã chiến đấu anh hùng dưới ngọn cờ của Đảng, của Bác, nhất là từ năm 1965, ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng; địch càng đánh càng suy yếu, càng đánh càng thua. Lời căn dặn này càng thể hiện tư tưởng lý luận và thực tiễn, khi trong lời căn dặn của Bác hàm chứa rất sâu sắc phép biện chứng duy vật, thế giới quan cách mạng. Nhân dân ta còn phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng.

Thực tiễn đã diễn ra đúng như lời Bác dạy, năm 1972, đế quốc Mỹ đã leo thang chiến tranh đến đỉnh điểm. Nhân dân ta đã trải qua gian khổ, hy sinh vô cùng to lớn nhưng với tinh thần anh dũng, quả cảm vô song; chúng ta đã buộc đế quốc Mỹ phải ngừng ném bom, ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Pari.

Đảng và nhân dân ta thật anh hùng, công cuộc kháng chiến cứu nước đã giành thắng lợi tuyệt vời, tỏa sáng khắp năm châu bốn biển, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới. Đảng và nhân dân ta đã thực hiện được lời thề thiêng liêng khi vĩnh biệt Bác. Nhân dân ta đã thực hiện trọn vẹn lời căn dặn trong bản *Di chúc*:

“Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”.

Một vấn đề tư tưởng lý luận vô cùng sâu sắc nhưng lại thật dễ hiểu, thiết thực về việc thực hiện bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trong *Di chúc*, Bác viết: *“Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”.*

Khi nói về xã hội xã hội chủ nghĩa, Bác thể hiện ngắn gọn: Một mặt, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân là mặt bản chất quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội khác với các chế độ xã hội khác, là mục đích cuối cùng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, của mọi hoạt động lãnh đạo, của mọi chính sách phát triển kinh tế – xã hội. Càng đổi mới thành công thì càng chứng tỏ “không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” là quy luật vận động cơ bản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu vừa là động lực của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, gian khổ, mang tính tự giác cao, chứ tuyệt đối không phải tự phát. Dù có phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, thì Nhà nước vẫn phải có định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội vì lợi ích nhân dân; vẫn phải quản lý tốt quá trình phát triển nền kinh tế quốc dân, phải vận dụng

tất cả các quy luật của thị trường một cách có kế hoạch, nhằm sử dụng nội lực tốt nhất, đồng thời chủ động tranh thủ nguồn lực bên ngoài, vì đời sống của nhân dân.

Bởi sự vận động của xã hội chính là quá trình tác động nhân quả giữa chính trị và kinh tế. Chế độ xã hội là hiện thân của chính trị, mang trong nó những nội dung nền tảng là kinh tế. Khi xây dựng chế độ xã hội mới, yếu tố của thời đại, quốc tế và những hình mẫu chủ nghĩa xã hội ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách mạng nước ta. Cho nên khi chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng với tính cách là một hệ thống, thì đồng thời chủ nghĩa xã hội cũng chuyển sang khuynh hướng kinh tế, chính trị mới. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, ý đồ thống trị của các cường quốc không đập tắt được xu thế có tính áp đảo là sự tự khẳng định của các quốc gia, dân tộc, vì chủ quyền, không can thiệp vào công việc của nước khác, mở ra sự hợp tác như một tất yếu khách quan, nhu cầu dân chủ trong chính trị và kinh tế toàn cầu.

Cách mạng Việt Nam đã trải qua nhiều thử thách trong 40 năm qua: Cuộc kháng chiến chống Mỹ đi vào giai đoạn hết sức quyết liệt; sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhân dân ta lại phải tiếp tục cầm súng để bảo vệ Tổ quốc trong hai cuộc chiến tranh biên giới; sau đó đất nước đi vào khủng hoảng kinh tế – xã hội nặng nề, lại bị tác động gay gắt của cuộc khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Với sự kiện sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu, lại nằm trong thế bao vây cấm vận và sự chống phá điên cuồng của các thế lực thù địch; công cuộc đổi mới đang đà phát triển lại tiếp tục bị tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ khu vực và tiếp đó là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Có thể nói thách thức tiếp liền thách thức trong suốt 40 năm qua của cách mạng Việt Nam. Song Đảng ta đã biết triệt để khai thác thời cơ, phát huy mạnh mẽ các nguồn lực để lãnh đạo toàn dân vượt qua mọi thách thức, khó khăn thu được những thành tựu hết sức quan trọng trên mọi mặt của đời sống xã hội.

40 năm qua là 40 năm phấn đấu gian khổ, cũng là 40 năm trưởng thành nhanh chóng của cách mạng Việt Nam, và cũng là 40 năm thực hiện tốt *Di chúc* của Người.

Hoài bão lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là Tổ quốc được giải phóng, nhân dân được hạnh phúc. Người nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước nhà hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc đi xa, Người chỉ có một mong ước to lớn, đó là: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”. Do đó, sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng ta đã tập trung sức lực và trí tuệ lãnh đạo nhân dân ta tiến hành công cuộc cách mạng đưa cả nước đi theo con đường Bác Hồ đã chọn.

Mặc dù tình hình quốc tế có nhiều biến động phức tạp, vừa phải thường xuyên đối phó với những âm mưu, thủ đoạn chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, vừa phải xây dựng cuộc sống mới từ một nền kinh tế lạc hậu, bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, vừa phải làm nghĩa vụ quốc tế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã phấn đấu gian khổ và đã thu được những thành quả to lớn. Đó là việc khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất và phát triển được một số ngành kinh tế quan trọng, thiết lập và củng cố chính quyền nhân dân trên phạm vi cả nước, phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, tiến hành thắng lợi hai cuộc chiến đấu biên giới để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

Trong xây dựng kinh tế, chúng ta cũng đã từng phạm những sai lầm, khuyết điểm trong chủ trương, chính sách cũng như trong quá trình chỉ đạo thực tiễn. Nhưng Đảng ta sớm nhận thức tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế, đứng trên tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, kiên định mục tiêu con đường mà Bác đã chọn, thẳng thắn phân tích những nguyên nhân của sự vấp vấp, sai lầm, tin tưởng vững chắc vào khả năng của bản thân và dân tộc, Đảng ta đã quyết tâm tiến hành sự nghiệp đổi mới.

Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: đổi mới và cải cách kinh tế trên cơ sở hoàn thiện hệ thống chính trị là yêu cầu khách quan. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đã đánh dấu một bước chính sách chuyển biến có tính bước ngoặt trong chính trị và kinh tế. Cho nên, thời kỳ 1986–2009 là giai đoạn cả nước thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đời sống kinh tế – xã hội do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, một sự tác động đúng đắn, nhạy bén, đúng lúc của chính trị đối với kinh tế, như Lê nin đã từng nói: “chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế”; “chính trị là kinh tế cô đọng lại”.

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chính trị với kinh tế, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nhận thấy rõ vai trò to lớn của chính trị trong phát triển kinh tế, đã vận dụng sáng tạo quan điểm đó vào thực tế của Việt Nam. Đảng ta luôn đặt mối quan hệ giữa chính trị với kinh tế là mối quan hệ trọng tâm trong quá trình phát triển đất nước, giữ vững ổn định chính trị đã trở thành nguyên tắc trong quá trình lãnh đạo tiến trình cách mạng của nước ta. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong đường lối đổi mới của Đảng và thực tiễn qua gần 25 năm đổi mới của đất nước đã chứng minh điều đó.

Qua gần 25 năm tiến hành đổi mới trong bối cảnh khu vực và quốc tế hết sức phức tạp, hình ảnh một nước Việt Nam vững vàng, ổn định về chính trị, đẩy lùi lạm phát, vượt qua khủng hoảng kinh tế – xã hội, đưa kinh tế phát triển liên tục với tốc độ khá cao, cải thiện một bước đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, có vị trí uy tín quốc tế ngày càng lớn trong khu vực và trên thế giới. Những kết quả quan trọng đó có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, khẳng định trí tuệ và bản lĩnh của Đảng ta, dân tộc ta. Khẳng định con đường mà chúng ta đang đi là đúng hướng.

Nền kinh tế nước ta đã đạt được những tiến bộ vượt bậc trên nhiều mặt trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình lãnh đạo đổi mới, Đảng ta đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội (1996), đất nước lại phải đương đầu với cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ năm 1997, 1998 với hậu quả nặng nề trong nhiều

năm sau, Đảng và Nhà nước đã lãnh đạo, đẩy lùi tác động của khủng hoảng đó đối với Việt Nam, ngăn chặn đà suy giảm kinh tế và từ năm 2000 đến nay tiếp tục phát triển. Với kinh nghiệm lãnh đạo, điều hành của hai lần trước, lần này Đảng và Nhà nước lại tỏ rõ năng lực, bản lĩnh lãnh đạo, điều hành được thành công trong việc ngăn ngừa tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đối với nước ta. Với sự phấn đấu ngoan cường, GDP năm 2008 vẫn đạt 6,23%; tổng sản phẩm trong nước đạt 90 tỷ USD, bình quân thu nhập đầu người đạt trên 1000 USD; tỷ lệ đói nghèo năm 2008 là 13,1% (năm 2007 là 14,8%). Với thành công bước đầu trong năm 2008, Đảng và Nhà nước ta sẽ tiếp tục lãnh đạo nhân dân tập trung 5 nhóm giải pháp chống sự suy giảm kinh tế bền vững, tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Xét một cách tổng thể, Đảng ta bắt đầu sự nghiệp đổi mới từ đổi mới tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối, chính sách kinh tế. Đổi mới tư duy chính trị về kinh tế là sự khởi phát của đổi mới kinh tế. Đổi mới chính trị là yếu tố quan trọng bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và đổi mới kinh tế, thúc đẩy đổi mới kinh tế và phát triển xã hội. Đến lượt mình, đổi mới kinh tế tạo cốt lõi vật chất cho việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và là cơ sở giải quyết các vấn đề xã hội – chính trị của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong gần 25 năm qua, đổi mới kinh tế đã từng bước gắn người lao động với tư liệu sản xuất, từ đó tạo nguồn động lực con người cho sự tăng trưởng kinh tế và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới kinh tế đang đẩy mạnh quá trình hội nhập nền kinh tế nước ta vào nền kinh tế khu vực và quốc tế, trên cơ sở đó, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế trong thế kỷ XXI.

Nội dung cốt lõi trong mối quan hệ giữa chính trị với kinh tế là quan hệ giữa đảng cầm quyền, Nhà nước và các quá trình phát triển của nền kinh tế. Nói cách khác đó là đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế.

Trong *Di chúc* Hồ Chí Minh viết: “Trước hết nói về Đảng – Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân

dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hàng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”.

“Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tở thật trung thành của nhân dân”.

Như vậy, để giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế theo tinh thần của *Di chúc* là: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”. Đảng ta suốt 40 năm qua đều cố gắng theo tinh thần ấy.

Đường lối đổi mới đã đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội kéo dài, nền kinh tế tăng trưởng cao, liên tục trong nhiều năm, đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể, Việt Nam được coi là hình mẫu về việc thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc... Nhờ chính sách kinh tế đúng đắn, chúng ta đã giành được những thành tựu toàn diện và có ý nghĩa lịch sử. Nhờ vậy chúng ta có điều kiện để thực hiện nhiều điều mà trong *Di chúc* viết năm 1968 Bác Hồ đã dặn: Đền ơn đáp nghĩa đối với những gia đình liệt sĩ, thương binh, với những người có công; miễn thuế nông nghiệp cho nông dân, đào tạo lực lượng cách mạng cho đời sau “vừa hồng, vừa chuyên”; tạo các điều kiện cho phụ nữ thực sự được giải phóng, bình đẳng với nam giới, cất nhắc để họ tham gia các cương vị lãnh đạo quản lý, tham gia công việc Nhà nước và xã hội;...

Điều quan trọng là, suốt 40 năm qua, dù sự nghiệp cách mạng có lúc thăng trầm khác nhau, nhưng Đảng ta luôn luôn tỏ rõ bản lĩnh là một đảng cầm quyền, xứng đáng là người đại diện, đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng luôn luôn coi nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng chính đốn Đảng để luôn xứng

dáng “là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân”.

Gần 25 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986–2009), trên cơ sở chủ trương của Đảng và Nhà nước về phân cấp quản lý theo hướng ngày càng mở rộng quyền tự chủ của chính quyền địa phương trong xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội, Đảng bộ và chính quyền Đồng Nai đã chủ động tìm tòi hướng đi, phát huy các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, nắm bắt xu thế thời đại... nhờ vậy đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

Chính sách đổi mới kinh tế – xã hội ở Đồng Nai trải qua những giai đoạn chính sau:

Giai đoạn 1986–1990: Với sự chuyển biến bước đầu trong chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế của Đảng bộ, chính quyền tỉnh về xác định cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ trong khi vẫn tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

Giai đoạn 1991–1995: Khẳng định rõ quan điểm phát triển kinh tế toàn diện theo cơ cấu công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ.

Giai đoạn 1996–2005: Tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo là thực hiện tiếp cơ cấu kinh tế công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ, đồng thời phấn đấu từ năm 2000 về sau cơ cấu kinh tế là công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp.

Sự đúng đắn về đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, sự năng động, sáng tạo của Đảng bộ và chính quyền tỉnh trong việc vận dụng đường lối của Đảng và Nhà nước đã làm chuyển biến căn bản diện mạo nền kinh tế Đồng Nai, với những bước nhảy vọt tích cực, từ một tỉnh nông nghiệp thành tỉnh có cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, Đồng Nai đặt mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2010. Nhìn lại quá trình phát triển đó chúng ta có thể thấy, việc giải quyết mối

quan hệ giữa chính trị và kinh tế trong các chủ trương của đảng bộ và chính quyền tỉnh đã gặt hái những thành công nhất định:

– Tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt mức cao, đặc biệt là từ năm 1991 đến nay bình quân luôn đạt mức 2 con số và là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước về tốc độ tăng trưởng. Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế của Đồng Nai đều cao hơn mức trung bình của cả nước và sánh ngang với những địa phương có tốc độ tăng trưởng cao và nhiều thuận lợi hơn, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và cao gần gấp 2 lần so với mức tăng trưởng chung của cả nước. GDP bình quân đầu người năm 2008 đạt 1.316 USD và dự kiến cuối năm 2009 là 1.497 USD.

– Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tích cực, phát huy lợi thế so sánh của từng ngành, từng vùng trong tỉnh – tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong khi vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá cao trong các ngành kinh tế: Tỷ trọng nông, lâm, công nghiệp, xây dựng – dịch vụ trong GDP của tỉnh năm 1985 tương ứng là 57,5%, 18,2% và 24,3%; năm 2008 tương ứng là 10,6%, 57,9% và 31,5% và dự kiến cuối năm 2009 là: 10,2%; 57,3% và 32,5%. Khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng đáng kể đã tác động lan tỏa như một cú hích đến phát triển các lĩnh vực kinh tế – xã hội khác.

– Việc đẩy mạnh thực hiện các chủ trương phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng, đặc biệt là quy hoạch các khu công nghiệp; tập trung phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực kỹ thuật phục vụ công nghiệp, coi nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật và nghiệp vụ là nhân tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội đã vạch ra hướng đi đúng trong thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế của tỉnh. Tăng trưởng kinh tế cao đã tạo điều kiện tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, như: hệ thống giao thông, điện, thông tin liên lạc, phát triển giáo dục, đào tạo v.v... Điều này, đến lượt nó lại là điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài.

– Các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ, phù hợp với sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ chỗ chỉ có 2 thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Đến nay, Đồng Nai đã hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó khu vực kinh tế Nhà nước đã được đẩy mạnh sắp xếp lại, đổi mới chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động và mặc dù giảm về tỉ trọng song vẫn luôn nắm giữ những vị trí then chốt, trọng yếu của nền kinh tế; kinh tế tập thể được đổi mới về phương thức hoạt động, chú trọng hơn về thực chất; kinh tế tư nhân, cá thể từ chỗ không được khuyến khích đã phát triển rất nhanh.

Thành công đáng ghi nhận nữa của tỉnh là sự chuyển biến tích cực trong lĩnh vực thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài. Đồng Nai là điểm hẹn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong nhiều năm qua và đến nay đang là địa phương có nhiều khu công nghiệp nhất trong cả nước, nhờ những đổi mới về cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh đầu tư cho kết cấu hạ tầng và tiếp thị đầu tư... Chính việc thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp đã làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng Nai mạnh mẽ và tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

– Thu ngân sách hàng năm đều đạt dự toán Trung ương giao và đạt chỉ tiêu tỉnh đề ra, từ năm 1989 liên tục có kết dư, qua đó tạo tiền đề tăng chi ngân sách cho đầu tư phát triển. Trong những năm gần đây, Đồng Nai luôn là một trong những địa phương thường xuyên có đóng góp nhiều nhất cho ngân sách Trung ương hàng năm.

– Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh đã có sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ: Cơ cấu lao động trong các lĩnh vực công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp giai đoạn 1975–1985 là: 10,04% – 24,71% – 62,25%; tương ứng giai đoạn 1986–2000 là: 15,27% – 20% – 63,99% và đến nay cơ cấu lao động là 27,68% – 27,68% – 44,64%.

– Giải quyết nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị từ 16% bình quân giai đoạn 1975–1985 xuống còn 9% bình quân giai đoạn 1986–2000 và 3% vào cuối năm 2008. Tăng tỷ lệ sử dụng thời

gian lao động ở nông thôn từ 54% bình quân giai đoạn 1975–1985 lên 68% bình quân giai đoạn 1986–2000 và trên 90% vào cuối năm 2008.

– Trên cơ sở đó, tình đã giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội. Số hộ nghèo giảm từ 16,11% năm 1994 giảm xuống còn 0,89% năm 2005 (theo chuẩn cũ) và 4,14% theo chuẩn mới vào năm 2008 và dự kiến cuối năm 2009 còn 1,45%; năm 2008 có 98% số hộ được dùng điện lưới quốc gia, 98% số hộ được dùng nước sạch; 46,5 máy điện thoại/100 dân. Phổ cập trung học phổ thông đạt tỉ lệ 71,9% năm 2008; 100% số xã có trạm xá và bác sĩ phục vụ, 100% số ấp có cán bộ y tế; 85% số ấp, khu phố đạt tiêu chuẩn ấp, khu phố văn hóa.

Đặc biệt, đã xóa được hộ đói kinh niên. Chênh lệch thu nhập bình quân giữa 20% nhóm hộ thấp nhất và 20% nhóm hộ cao nhất năm 1999 tăng 2,6 lần so với năm 1996; năm 2001–2002 lại giảm 2,62 lần so với năm 1999 và năm 2003 giảm 1,83 lần so với năm 2001–2002, nên khoảng cách giàu nghèo trên địa bàn có xu hướng giảm dần đều từ 7,1 lần năm 1993 xuống còn 5,44 lần năm 2003 và 5 lần năm 2008. Số hộ có thu nhập cao tăng lên nhanh chóng, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế. Tăng trưởng kinh tế cao cũng tạo điều kiện để Đồng Nai thực hiện tốt hơn chính sách đền ơn đáp nghĩa, quan tâm tốt hơn đến những gia đình và người có công với cách mạng.

Những kết quả đạt được về mặt kinh tế đã tạo cho Đồng Nai những chuyển biến tích cực về mặt chính trị, xã hội: trật tự, an ninh xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, qua đó lòng tin của nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách Nhà nước được củng cố; tạo ra thế và lực mới để Đồng Nai bước vào thời kỳ mới đầy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

40 năm qua, đặc biệt gần 25 năm đổi mới (1986–2009) trong xây dựng và phát triển kinh tế ở Đồng Nai, dưới sự lãnh đạo và cố gắng của Đảng bộ không ngoài mục đích vì lợi ích và vì đời sống của nhân dân, theo đó có thành công và có cả vấp vấp, có thành tựu và có cả

khuyết điểm. Nhưng trong thời kỳ đổi mới, nền kinh tế có nhiều tiến bộ vượt bậc, đời sống của nhân dân ta được cải thiện đáng kể. Qua đó, có thể rút ra một số nguyên nhân chủ yếu sau đây của những thành tựu trong xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh:

Thứ nhất: Đảng bộ tỉnh luôn nắm vững tư tưởng cơ bản của *Đi chúc*, đường lối phát triển kinh tế – xã hội của Đảng, Nhà nước ta là điều kiện, tiền đề quyết định những thành công trong quá trình gần 25 năm xây dựng và phát triển kinh tế ở Đồng Nai.

Thứ hai: Sự mạnh dạn của Chính phủ trong việc thực hiện phân cấp và ủy quyền cho chính quyền Đồng Nai trong công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, tích cực cải tiến thủ tục hành chính nhà nước đã tạo điều kiện để Đảng bộ và chính quyền Đồng Nai chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý, điều hành quá trình xây dựng và phát triển kinh tế.

Thứ ba: Đảng bộ, chính quyền các cấp ở Đồng Nai luôn quán triệt, triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn ở địa phương các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về phát triển kinh tế – xã hội trên cơ sở quyết tâm, tự lực tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách, đoàn kết phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

Thứ tư: Toàn Đảng bộ, từng cấp ủy, chính quyền các cấp ở Đồng Nai thường xuyên củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, đổi mới phong cách lãnh đạo và chỉ đạo quá trình xây dựng và phát triển kinh tế ở địa phương với phương châm “Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp”, sâu sát với cơ sở, dự báo được diễn biến tình hình.

Thứ năm: Các cấp ủy Đảng giữ được vai trò trung tâm đoàn kết xã hội, xác định rõ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp và phát huy được sức mạnh của các tầng lớp nhân dân vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế.

Thứ sáu: Nhận thức đúng đắn lợi thế so sánh của địa phương, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, xác định đúng hướng đi và có

bước lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh hợp lý cho từng thời kỳ, mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tạo nên sức mạnh toàn dân thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ bảy: Coi trọng sự nghiệp giáo dục, phát triển khoa học và công nghệ, đưa tiến bộ khoa học – công nghệ vào sản xuất và đời sống.

Thứ tám: Trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, luôn nhận thức rõ tính 2 mặt của cơ chế thị trường, gắn đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, xây dựng và tăng cường an ninh – quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, cũng còn những khuyết điểm, yếu kém, một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhất là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa. Chúng ta đã làm được nhiều việc, tuy vậy vẫn còn nhiều việc phải làm để chăm lo đời sống tinh thần, văn hóa của toàn xã hội. Sự nghiệp lãnh đạo phát triển kinh tế và văn hóa theo kế hoạch thật tốt, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, như *Di chúc* của Bác, thì nhiệm vụ của Đảng ta còn rất nặng nề nhưng cũng rất vẻ vang đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung quyết liệt, đó là:

– Môi trường đầu tư (hệ thống pháp luật, bộ máy quản lý Nhà nước, nguồn lao động, kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, giá cả và chất lượng các dịch vụ...) tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài.

– Nguồn nhân lực ở Đồng Nai còn chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của tỉnh, nguồn nhân lực của tỉnh tuy có tăng về lượng và chất nhưng vẫn chưa đáp ứng được sự phát triển của các ngành kinh tế và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như yêu cầu của xã hội, hiện đang thiếu trầm trọng cán bộ khoa học – kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao để làm việc trong các doanh nghiệp có công nghệ tiên tiến, trong khi đó cơ cấu

dào tạo chưa phù hợp với nhu cầu thực tế, quy hoạch tổng thể về nguồn nhân lực chưa được xây dựng.

– Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, như: hệ thống giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc,... chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của một tỉnh có nhiều khu công nghiệp tập trung.

– Năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hiệu quả quản lý, khả năng nắm bắt thị trường trong và ngoài nước của khu vực kinh tế trong nước còn hạn chế, tư duy đổi mới kinh tế chưa theo kịp với sự tiến bộ của khoa học công nghệ và yêu cầu phát triển.

– Việc phát huy nội lực trong huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế còn hạn chế, vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng còn dựa chủ yếu vào nguồn ngân sách. Cơ chế, chính sách hiện hành chưa huy động được mạnh mẽ các nguồn lực.

– Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đi đôi với chuyển dịch cơ cấu lao động, tỉ lệ lao động nông nghiệp vẫn còn cao. Tình trạng thất thoát, tiêu cực trong đầu tư xây dựng cơ bản diễn ra khá phổ biến. Sự phát triển nhanh của các ngành kinh tế, đặc biệt là công nghiệp, đang dẫn đến quá tải về môi trường và các dịch vụ xã hội.

– Tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, cờ bạc, mại dâm,... và nhiều tác động mặt trái khác của cơ chế thị trường mặc dù đã được lãnh đạo Đảng và chính quyền tỉnh nhận thức và cố gắng khắc phục, song vẫn có xu hướng gia tăng, đang đặt ra những thách thức mới trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

– Kinh tế Đồng Nai tuy phát triển mạnh mẽ so với các địa phương khác trong cả nước, song vẫn còn nguy cơ tái nghèo, đặc biệt là trong đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và phần lớn hộ thoát nghèo nằm sát chuẩn nghèo.

– Trong mối quan hệ phát triển vùng cũng tồn tại một số vấn đề như: định hướng chung cho vùng chưa thực sự được cụ thể hóa để các ngành của các tỉnh trong vùng phát triển gắn kết với định hướng

chung đó; sự liên kết kinh tế của Đồng Nai với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tuy đã được chú ý nhưng còn thiếu một cơ chế chỉ huy, chương trình hành động, quản lý điều hành, phối hợp thực hiện thống nhất giữa các địa phương...

Để thực hiện: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh* và đưa Đồng Nai “trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại” như Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ VIII của Đảng bộ tỉnh đã đưa ra, phải khắc phục triệt để những hạn chế đã nêu với sự nỗ lực và quyết tâm không chỉ của Đảng bộ, chính quyền và mỗi người dân Đồng Nai, mà còn của cả Đảng và Nhà nước ta trong việc đề ra các chủ trương, đường lối đúng đắn, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tạo lập một môi trường chung phát triển kinh tế, xây dựng xã hội lành mạnh.

Vì vậy, trong thời gian tới, các chủ trương, chính sách và biện pháp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cần tập trung vào việc thúc đẩy kinh tế tăng trưởng cao, bền vững đi đôi với xóa đói giảm nghèo trên cơ sở phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực huy động mọi nguồn lực cho phát triển. Phấn đấu đưa Đồng Nai trở thành trung tâm kinh tế lớn, phát triển cân đối trong cơ cấu vùng, miền; tiếp tục đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

– Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; đồng thời ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng của một bộ phận cán bộ trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

– Phát huy đồng bộ sức mạnh tổng hợp của tỉnh, của Trung ương, của cả nước và của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

– Phát triển kinh tế của tỉnh phải được thực hiện trong mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển kinh tế của cả nước, của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gắn kết với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận để tạo ra sự phân công hợp tác chặt chẽ trong một cơ cấu thống nhất.

– Kết hợp hài hòa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất, kết hợp giải quyết các vấn đề cấp bách trước mắt với thực hiện các mục tiêu cơ bản lâu dài.

– Xác định đúng trọng tâm các ngành kinh tế có tính chất đột phá; xác định đúng các ngành ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn và có những giải pháp đồng bộ, hiệu quả, đưa Đồng Nai đạt được những tiêu chí cơ bản của tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại để bước vào kinh tế tri thức vào những năm 2020, đồng thời là một trong những trung tâm dịch vụ lớn của các tỉnh phía Nam và cả nước.

– Tiếp tục cải cách hành chính, thường xuyên tổng kết thực tiễn phát triển trong các ngành, các lĩnh vực để kịp thời điều chỉnh trong phạm vi cho phép những bất cập về cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động kinh tế của mọi người dân, mọi tổ chức, mọi thành phần kinh tế phát triển theo định hướng chung.

– Tiếp tục duy trì thường xuyên các cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo tỉnh và các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn để qua đó phát hiện và giải quyết kịp thời, dứt điểm trong phạm vi cho phép những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho họ đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

– Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh, tạo điều kiện để họ tự giác tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển kinh tế trên địa bàn.

– Nhà nước cần đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách theo hướng tạo lập một khuôn khổ chung cho tất cả các dự án đầu tư trong và ngoài nước; Đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế một giá đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước...

– Tiếp tục đổi mới việc bố trí cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt; cụ thể hóa việc phân công, phân cấp, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành của tỉnh; chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính, đề cao trách nhiệm của cá nhân, bộ máy quản lý nhằm nâng cao hiệu

quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp đối với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh.

Nhiều người đã trải qua các cuộc kháng chiến, thấy thời gian trôi đi quá nhanh, nhiều nhiệm vụ theo lý tưởng và hoài bão cách mạng cao cả còn đang ở phía trước, chúng ta càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ; đến những người mới chỉ đủ tuổi tham gia công cuộc đổi mới, mặc dù nhìn thấy những thành tựu to lớn, cũng không thể không nhận ra quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội còn đầy chông gai, thử thách phức tạp, nhất là trong bối cảnh từ khi Liên Xô tan vỡ, do đó cũng dễ dàng cảm nhận lời dạy ở tầm nhìn xa trông rộng của Bác.

Thực tiễn nóng bỏng đang mách bảo chúng ta rằng, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đang là một sự nghiệp cần kíp. Lời căn dặn của Bác còn là sự đánh giá cao, đầy tin tưởng ở các thế hệ trẻ, vì chính các thế hệ thanh niên nối tiếp nhau sẽ là chủ lực quân đả nhiệm cả thời đại xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ việc giải quyết nhiệm vụ thiêng liêng hàng đầu là cứu nước cho đến bồi dưỡng sức dân sau ngày thắng lợi, chăm lo nguồn lực kế tiếp thường xuyên cho cách mạng, đều liên quan đến yếu tố cốt tử là sự lãnh đạo của Đảng ta. Bác đã quan tâm đến một vấn đề cốt tử về thực tiễn, về chính trị, về lý luận chính trị, đó là Đảng, là chất lượng của đảng cầm quyền. Lý luận đảng cầm quyền là một bộ phận rường cột của lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học. Bác Hồ đã nhìn nhận sâu sắc và thấy được một nguy cơ của đảng cầm quyền là sự sa sút đạo đức, lối sống, sao nhãng chức năng “đày tớ của nhân dân”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn yêu cầu cốt lõi của đạo đức cách mạng là: cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; đoàn kết thống nhất; coi trọng thực hiện quy luật tiến bộ của Đảng là tự phê bình và phê bình.

Đảng bộ tỉnh đã có nhiều chủ trương và nhiều Chương trình hành động tổ chức thực hiện để rèn luyện phẩm chất trong Đảng và xã hội, đặc biệt những nghị quyết gần đây, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

(khóa X) đã có những liệu pháp mạnh về mặt này. Song, phải nói rằng hiện nay tình trạng xuống cấp về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ trong cán bộ, đảng viên vẫn đang là một vấn đề thời sự nóng hổi, luôn luôn đe dọa chuyển hóa thành vấn đề chính trị, thành sự tồn vong của Đảng, của Nhà nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và Đông Nai trong gần 25 năm đổi mới vừa qua đã chứng minh một cách rõ ràng tính chân lý của những tư tưởng trong di sản lý luận mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và nhân dân ta. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đuốc thiêng của dân tộc, tiếp tục chỉ dẫn sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và nhân dân ta.

ĐOÀN KẾT, TẬP TRUNG DÂN CHỦ, XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Để phát huy cao nhất nội lực dân tộc kết hợp với điều kiện thời đại, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết phải phát huy được trí tuệ của toàn Đảng, sức mạnh của tổ chức và năng lực sáng tạo của mỗi đảng viên, vì đó chính là đội tiên phong, là hạt nhân chính trị, yếu tố tự giác của mọi phong trào cách mạng. Sức mạnh của Đảng được tạo nên bởi sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động của toàn Đảng. Nhận thức đúng và thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, chính là vấn đề cơ bản, có tính quy luật trong công tác xây dựng đảng để tạo nên sức mạnh thống nhất đó. Lênin từng nói: “Sức mạnh của giai cấp công nhân – đó là tổ chức. Không có tổ chức quần chúng giai cấp vô sản sẽ không là cái gì hết. Được tổ chức lại – nó sẽ là tất cả. Tính tổ chức là sự thống nhất hành động trong thực tiễn”⁽¹⁾.

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, nhờ phát huy được sức mạnh thống nhất ấy, Đảng ta đã giành được những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử: tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thành công. Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, giữ vững độc lập dân tộc. Vững vàng và kiên trì đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa trong điều kiện chính trị thế giới có biến động vô cùng phức tạp (Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ). Sự nghiệp đổi mới đất nước dù còn đầy khó

¹ V.I. Lênin, *Về Xây dựng Đảng*, Nxb. Sự thật, H, 1967, tr.105.

khẩn, thử thách, song đã thu được những thành tựu không thể phủ nhận. Lòng tin của dân đối với Đảng ngày càng được củng cố, nâng cao; bán linh chính trị của Đảng ngày càng vững vàng.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển đất nước, với tác động phức tạp của cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập với thế giới, Đảng và đất nước ta đang đứng trước những thử thách mới. Để vượt qua những thử thách đó, rất cần sự đóng góp trí tuệ, công sức của toàn dân nhưng trước hết trong Đảng phải đồng tâm nhất trí cao, trên dưới một lòng, muôn người như một trong tư tưởng và trong hành động cách mạng. Trong công tác xây dựng Đảng, chúng ta cũng mắc phải những khuyết điểm cần khắc phục. Đó là tình trạng quan liêu, suy thoái, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; đặc biệt là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ cương lỏng lẻo,...

Bởi vậy, nâng cao sức mạnh đoàn kết thống nhất trong Đảng, nhận thức đúng và thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ là một trong những đòi hỏi vừa cơ bản, vừa cấp bách của công tác xây dựng Đảng hiện nay. Đây cũng chính là một trong những vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ ta.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản chỉ đạo toàn bộ công tác tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng. Nguyên tắc này đảm bảo cho Đảng luôn là một khối đoàn kết, thống nhất, có sức mạnh vô địch và sức chiến đấu cao, luôn năng động sáng tạo đủ sức lãnh đạo hệ thống chính trị và cả xã hội.

Tập trung dân chủ là một nguyên tắc hướng tới sự tập trung, thống nhất, nhưng là tập trung trên cơ sở dân chủ, mọi quyết định đều được thảo luận trên cơ sở dân chủ, toàn bộ quá trình đi tới tập trung phải là một quá trình dân chủ.

Tập trung theo nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm tạo lập sự thống nhất về mục tiêu, lý tưởng, về đường lối, quan điểm, về tổ chức và hành động tránh cho toàn Đảng, các tổ chức Đảng không bị phân tán, chia rẽ, bè phái, “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, nói và làm tùy tiện. Vì vậy, yêu cầu hàng đầu là Đảng phải tạo lập cho được sự

thống nhất, tập trung về tư tưởng, ý chí và hành động, dùng sức mạnh của tổ chức để giải quyết mọi vấn đề có sự lãnh đạo, điều hành thông suốt từ trên xuống dưới, sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng và đảng viên trên cơ sở đường lối chung đã được nhất trí thông qua.

Tuy nhiên, tập trung theo nguyên tắc tập trung dân chủ đối lập với tập trung quan liêu, tập trung độc đoán, cá nhân người lãnh đạo hay cơ quan lãnh đạo áp đặt ý kiến, ý chí của mình cho tổ chức đảng và cấp dưới, cũng không phải chỉ là sự tập trung thống nhất mang tính hình thức, giả tạo. Trái lại, ở đây mọi quyết định tập trung đều phải được hình thành và tổ chức thực hiện thông qua con đường dân chủ, bằng việc phát huy tối đa mọi sự sáng tạo. Việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp trên và kỷ luật của Đảng đều phải dựa trên cơ sở tự giác. V.I. Lênin chỉ rõ: "... cần phải hiểu rõ rằng chế độ tập trung dân chủ, một mặt thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ" ⁽¹⁾; "Không có gì sai lầm bằng việc lẫn lộn chế độ tập trung dân chủ với chủ nghĩa quan liêu và với lối rập khuôn máy móc" ⁽²⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn đạt rất cô-đọng nguyên tắc này: Tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Nguyên tắc dân chủ tập trung. Nghĩa là: có đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cá nhân phải phục tùng toàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương" ⁽³⁾; Cơ quan lãnh đạo của Đảng có uy tín và quyền lực chân chính, mọi đảng viên nhất định phải chấp hành các phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng, phải tuân theo kỷ luật của Đảng. Thế là tập trung. Nhưng tập trung ấy không phải là cá nhân chuyên chính; nó xây dựng trên nền tảng dân chủ: "*Quyền lực của cơ quan lãnh đạo là do quần chúng, đảng viên giao phó cho, chứ*

¹ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 36, Nxb. Tiến bộ, M, 1978, tr.185.

² Sđd, tr.186.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2002, tr.229.

không phải tự ai tranh giành được. Vì vậy, người lãnh đạo phải gần gũi và học hỏi quần chúng đảng viên, nghe ngóng ý kiến của họ. Nếu lên mặt với quần chúng, lạm dụng quyền lực – thế là sai lầm”⁽¹⁾.

Như vậy, tập trung dân chủ là một nguyên tắc thống nhất chứ không phải là sự kết hợp, sự điều hòa giữa tập trung và dân chủ, không phải tập trung càng cao thì dân chủ càng giảm và ngược lại. Trong nguyên tắc thống nhất này, tập trung và dân chủ tác động cùng chiều, theo tỷ lệ thuận, đòi hỏi phải đảm bảo lẫn nhau. Thực hiện đúng tập trung dân chủ thì cả tính tập trung và tính dân chủ đều được bảo đảm. Khi tập trung đã trên cơ sở dân chủ thì tập trung càng cổ vũ cho dân chủ, trở thành đòi hỏi cho dân chủ, càng thúc đẩy dân chủ rộng rãi và có chất lượng hơn. Cũng tương tự, dân chủ trong hướng tới tập trung, phục vụ cho tập trung, đi tới sự thống nhất, những đề xuất đúng đắn của cá nhân sẽ trở thành ý chí chung của tập thể và được đảm bảo bằng tổ chức, thành quyết định và hành động chung thì khi đó dân chủ thật sự có mục đích, có thực chất. Nếu tập trung càng cao mà dân chủ bị hạn chế, thì tức là tập trung đó không trên cơ sở dân chủ, trở thành tập trung quan liêu, độc đoán hoặc hình thức. Nếu mở rộng dân chủ dẫn tới làm lỏng lẻo, suy giảm tập trung, mất đoàn kết nội bộ, không đi tới quyết định chung buộc mọi người tuân theo thì tức là dân chủ vô tổ chức, vô kỷ luật, phường hội, không còn là dân chủ theo yêu cầu nguyên tắc của Đảng Cộng sản.

Với quan điểm đúng đắn về bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ theo chiều sâu lý luận như vậy, cùng với các quy định về nội dung của nguyên tắc này được ghi trong Điều lệ Đảng, chúng ta có đầy đủ cơ sở khoa học để bác bỏ những luận điệu xuyên tạc nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng mà thủ pháp đơn giản của những luận điệu đó là tách rời, đem đối lập giữa tập trung và dân chủ. Đảng ta không khi nào lại chỉ chăm lo củng cố, vun vén cho sự chỉ đạo tập trung một cách tách rời khỏi dân chủ, hạn chế dân chủ, vì làm như vậy sẽ chỉ đưa đến một sự tập trung quan liêu, giáo điều và tư biện, hoàn toàn không có sinh lực và rốt cuộc sẽ làm giảm uy tín, sức mạnh của Đảng.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc Gia, H, 2002, tr.240-241.

Đảng viên cũng không mong muốn trong Đảng phát triển một kiểu dân chủ vô giới hạn, không chủ đích, không đi tới những quyết định gì mang tính bắt buộc để Đảng thực hiện đúng vai trò lãnh đạo xã hội của mình.

Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI – Đại hội vạch ra đường lối đổi mới đã đánh giá nghiêm khắc vai trò lãnh đạo của Đảng, quyết tâm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng lên một tầm vóc mới đáp ứng được công cuộc đổi mới. Đảng ta nhận định: “Song tất cả những gì đã làm được và chưa làm được cũng chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới, Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế – xã hội, trong phong cách lãnh đạo và cả trong việc rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên”⁽¹⁾.

Nhận thức rõ điều đó, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng triển khai mạnh mẽ sự nghiệp dân chủ hóa từ trong Đảng ra ngoài xã hội, từ các lĩnh vực tư duy, tư tưởng, chính trị, tổ chức... đặc biệt là dân chủ hóa đời sống kinh tế. Tinh thần của Đại hội VI được coi là “cởi trói”, tạo điều kiện, trao cho nhân dân quyền chủ động sản xuất kinh doanh, chủ động cải thiện đời sống của mình, quyền “tự cứu” lấy mình, quyết định cuộc sống của mình.

Đại hội VI của Đảng đây là một mốc son chói lọi đưa sự nghiệp dân chủ của cách mạng nước ta vào chiều sâu, thành thể chế, mà trước hết là các thể chế kinh tế, đưa ra cách tiếp cận mới thực tiễn hơn, biện chứng hơn về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đại hội cũng chỉ ra những phương pháp nhận thức mới cho toàn Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ và vận dụng nó trong xây dựng Đảng trong lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ vẫn được duy trì và có những chuyển biến tích cực, tác động tốt đến việc thực hiện tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, 1987, tr.123.

động của bộ máy Nhà nước, phù hợp với những biến đổi trong cơ chế kinh tế, dân chủ hóa đời sống xã hội, kể cả khi có những thay đổi trong cơ cấu tổ chức của Đảng và các cơ quan Nhà nước. Đại hội VIII của Đảng đã đánh giá: Trong toàn Đảng vẫn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội, phát huy trí tuệ của tập thể.

Nguồn gốc sâu xa của sự không ngang tầm ấy, như Đại hội VI đã khẳng định là do nhiều năm chúng ta coi nhẹ và có khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Để tác động quyết định đến sự phát triển của cách mạng nước ta. Đảng phải đổi mới nhiều mặt: Đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Đại hội nhấn mạnh: “Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta”⁽¹⁾. Phê phán tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể dẫn tới những quyết định sai lầm làm suy giảm sự đoàn kết trong Đảng, Đại hội VI cũng chỉ rõ những nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ cần thực hiện trong giai đoạn mới. Nói cách khác, Đại hội đã cụ thể hóa những nội dung của nguyên tắc này trong điều kiện đổi mới đất nước, đổi mới tư duy và phong cách lãnh đạo của Đảng. Những nội dung đó là:

– Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật. Nhấn mạnh nói và làm theo Nghị quyết, sáng tạo, năng động phải trên cơ sở đường lối, chính sách. Cơ quan lãnh đạo “phải nắm vững quyền chỉ đạo tập trung, điều hành thống nhất”.

– Tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt dân chủ, nhằm đáp ứng được yêu cầu giải quyết nhiều vấn đề mới mẻ và phức tạp của công cuộc đổi mới, tổng kết những kinh nghiệm phong phú

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, 1987, tr.135.

của cơ sở và địa phương, ý kiến khác nhau của quần chúng, chuyên gia và cán bộ khoa học.

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy.
- Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng.
- Sửa đổi phong cách làm việc, sâu, sát thực tế.
- Thiết lập chế độ thông tin nhanh chóng, chính xác các cơ quan lãnh đạo phải có được thông tin đầy đủ về vấn đề mình phụ trách trước khi quyết định.
- Tăng cường công tác kiểm tra Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ được khẳng định qua các kỳ Đại hội VI, VII, VIII, IX, X là nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Đảng, Nhà nước ta, của toàn bộ hệ thống chính trị đất nước. Nguyên tắc đó được ghi trong Điều 9, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Điều 9, Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

- 1- Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách.
- 2- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành Đảng bộ (gọi tắt là cấp ủy).
- 3- Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức Đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

- 4- *Tổ chức Đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.*
- 5- *Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.*
- 6- *Tổ chức Đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

Các Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X đều khẳng định nạn tham nhũng và tệ quan liêu là một trong bốn nguy cơ và là “quốc nạn” thách thức sự vững mạnh, vai trò lãnh đạo của Đảng ta và sự phát triển của đất nước.

Đối với một đảng cầm quyền thì dân chủ hóa sinh hoạt Đảng và dân chủ hóa đời sống xã hội có quan hệ chặt chẽ và thống nhất. Thống nhất về tính mục tiêu, động lực và hiệu quả. Dân chủ trong Đảng là điều kiện cho dân chủ trong xã hội, dân chủ trong xã hội làm cơ sở cho dân chủ trong Đảng. Không thể có dân chủ trong đời sống xã hội nếu trong Đảng cầm quyền không có dân chủ, không mẫu mực về sinh hoạt dân chủ và ngược lại. Một xã hội không dân chủ, văn hóa, dân chủ, văn hóa pháp luật, văn hóa chính trị thấp thì trong Đảng cũng không thể có dân chủ đầy đủ được, cho dù đó là Đảng tiên phong.

Chính vì thế mà cùng với việc đổi mới trong sinh hoạt Đảng đồng thời với dân chủ hóa xã hội. Trên cơ sở những thành tựu dân chủ mà Đại hội VI mang lại, hoạt động của Đảng từ đó đến nay đã giành sự chú ý thích đáng đến dân chủ trong chính trị, đã đặt ra một cách dứt khoát mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách nền hành chính Việt Nam vốn nặng nề, trì trệ bởi những tàn tích của nền hành chính quan liêu bao cấp.

Năm 1998 bằng chỉ thị 30/CT-TW ngày 18/02/1998 của Đảng về “Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở” và Nghị quyết 29/1998/NĐ-CP của Chính phủ về triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đã tích cực tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, tìm tòi những khâu mấu chốt trong sự nghiệp dân chủ hóa đất nước – Đây là bước đột phá đúng về nhận thức, tư tưởng và tổ chức, về lý luận và thực tiễn.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X của Đảng được coi là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, khẳng định lại mục tiêu xây dựng một chế độ dân chủ thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách các thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước, mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, coi đoàn kết, dân chủ là động lực của phát triển xã hội. Đại hội đã đưa “dân chủ” thành một trong năm mục tiêu quan trọng của Đảng phải lãnh đạo đất nước hướng tới: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Đây chính là đòi hỏi khách quan để chúng ta phải đổi mới và hoàn thiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng Đảng ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay đang gánh vác nhiệm vụ hết sức to lớn trước dân tộc Việt Nam, đó là lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nhằm đưa nước ta phát triển nhanh, đạt một vị trí xứng đáng với tầm vóc dân tộc ta, một dân tộc văn hiến, đông dân, có lịch sử dựng nước và giữ nước vẻ vang.

Để xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, người đại diện lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng ta xác định, Đảng phải là trí tuệ, dân chủ, đoàn kết

và đổi mới. Muốn thực hiện được sứ mệnh, muốn xứng đáng ở vị trí tiên phong của giai cấp và của dân tộc, Đảng phải tiên phong về trí tuệ, tiên phong về dân chủ, tiên phong về đoàn kết và tiên phong về đổi mới. Tinh tiên phong của Đảng trên các mặt đó quyết định không chỉ là vai trò lãnh đạo, mà là sự sống còn của Đảng. Nhưng muốn tiên phong phải có dân chủ. Chỉ có dân chủ mới thu tóm trí tuệ của nhân loại, của nhân dân, của dân tộc làm nên trí tuệ của Đảng, có dân chủ trong Đảng mới lãnh đạo thúc đẩy dân chủ trong xã hội, chỉ có dân chủ mới có đồng thuận xã hội trên cơ sở đồng thuận xã hội mới đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó mới hình thành mục tiêu và lực lượng cho đổi mới và mới đổi mới thành công.

Tất cả những điều đó đòi hỏi Đảng phải có nhận thức đúng, sâu sắc nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt cơ bản của Đảng, mới xác định chính xác mục tiêu, tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, mới thực hiện được một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, luôn trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng "*Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội*", đại biểu trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu hướng của thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Gần 80 năm qua, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua gian nan, thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vàng chói lọi của dân tộc ta, tiến hành Cách mạng tháng Tám thành công, đánh đổ các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, nhất là trước các bước ngoặt lịch sử,

Đảng ta luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, trước hết ở việc xác định và tổ chức thực hiện cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn và có hiệu quả.

Đi theo con đường của Bác và thực hiện sáng tạo tư tưởng của Người, trong gần 25 năm đổi mới, nhân dân ta vừa khắc phục hậu quả nặng nề do các cuộc chiến tranh để lại, vừa phải đối phó với những khó khăn, thử thách, với các thủ đoạn bao vây, mưu toan lật đổ của các thế lực thù địch, đưa nền kinh tế nước ta thoát khỏi khủng hoảng trầm trọng kéo dài, giữ vững ổn định chính trị, giành được những thành tựu rất quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng. Những thành tựu ấy đã tạo nên thế và lực mới của cách mạng Việt Nam, tạo điều kiện và tiền đề đưa nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Đảng bộ và nhân dân tỉnh luôn gìn giữ, phát huy truyền thống yêu nước "*miền Đông gian lao mà anh dũng*", khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh, vượt qua khó khăn, thử thách, phấn đấu đạt kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: Hệ thống chính trị được củng cố, giữ vững an ninh, quốc phòng, kinh tế – xã hội tiếp tục phát triển.

Có được kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự giúp đỡ của các bộ, ban ngành ở Trung ương và sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Trong đó, sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện trực tiếp của cấp ủy các cấp và tổ chức Đảng ở cơ sở giữ vai trò quan trọng.

Nhận thức tầm quan trọng của tổ chức cơ sở Đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị lãnh đạo ở cơ sở, tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh là nhân tố quan trọng bảo đảm nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, do đó, đi đôi với đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội, tăng cường an ninh, quốc phòng, Tỉnh ủy Đồng Nai đã chỉ đạo các cấp ủy Đảng tập trung củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, trong đó xác định xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững

manh và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ then chốt.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về công tác xây dựng Đảng: Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) và kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX), tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nghị quyết 15 (khóa X) về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”, Nghị quyết 22 về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cụ thể hóa chỉ thị, nghị quyết của Trung ương thành những chương trình, kế hoạch, quy định làm cơ sở cho việc lãnh đạo tổ chức thực hiện như: Kế hoạch số 44-KH/TU về thực hiện Nghị quyết 15 (khóa X) “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”, Kế hoạch số 85-KH/TU về thực hiện Nghị quyết 22: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 7 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, về “Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ công nghiệp hóa đất nước”, về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; Kế hoạch luân chuyển điều động cán bộ cấp huyện và cơ sở; Quy định về “Thu hút cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về công tác ở cơ sở xã, phường, thị trấn” về sắp xếp lại mô hình tổ chức cơ sở Đảng ở một số loại hình cơ quan, sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trên cơ sở hướng dẫn đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, Tỉnh ủy quy định cụ thể tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh cho từng loại hình tổ chức cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Tỉnh ủy xây dựng nghị quyết hàng năm từ 7-8% về công tác phát triển đảng viên mới. Các ban Đảng của cấp ủy, nhất là Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cho Tỉnh ủy

chỉ đạo sơ, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và những chuyên đề về công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và công tác đảng viên, nhằm biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức Đảng và đảng viên có thành tích xuất sắc; trực tiếp tổ chức khảo sát thực tế, đánh giá thực trạng tình hình tổ chức đảng ở các xã, phường, thị trấn; về vai trò tổ chức Đảng, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở các loại hình trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, cụ thể hóa các hướng dẫn của Trung ương về xây dựng, bình xét tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, đánh giá chất lượng đảng viên hàng năm. Đưa vào ứng dụng 2 đề tài khoa học “*Nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng trong vùng có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa ở tỉnh Đồng Nai*” và “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở đảng xã, phường, thị trấn ở tỉnh Đồng Nai*”; về thực trạng và các giải pháp tạo nguồn kết nạp đảng viên góp phần xây dựng củng cố tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh trong tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các cấp ủy huyện, thị, thành và Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã tổ chức quán triệt và cụ thể hóa các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy thành kế hoạch với nội dung và giải pháp thiết thực để thực hiện ở Đảng bộ mình. Hầu hết các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã nghiên cứu, cụ thể hóa nội dung tiêu chuẩn đánh giá cho từng loại hình tổ chức cơ sở Đảng, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức cơ sở Đảng xây dựng mục tiêu, biện pháp phấn đấu tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo và nội dung phấn đấu của từng tổ chức cơ sở Đảng, cấp ủy cấp trên tăng cường kiểm tra, rút kinh nghiệm, thúc đẩy quá trình phấn đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Nhờ đó, cuộc vận động thi đua phấn đấu xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh đã trở thành nề nếp ở Đảng bộ tỉnh. Số tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm chiếm tỷ lệ khá cao. Chỉ riêng năm 2008, tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 93.24%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra (85%), so với Nghị quyết năm 2007 tăng 13,04%.

Đi đôi với xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, các cấp ủy đã chú trọng chỉ đạo giải quyết các cơ sở Đảng yếu kém. Nhiều huyện, thị, thành và Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã có nghị quyết, chương trình kế hoạch và phân công cấp ủy viên hoặc lập tổ công tác để chỉ đạo, giúp cơ sở tìm nguyên nhân và biện pháp khắc phục tình trạng yếu kém. Hàng năm, Tỉnh ủy chỉ đạo gắn với kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, đồng thời biểu dương, khen thưởng đối với tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên tiêu biểu xuất sắc, từ đó đã có tác động thúc đẩy cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ. Do có sự chỉ đạo chặt chẽ và tổ chức thực hiện nghiêm túc cuộc vận động, nên số tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đều tăng, số tổ chức cơ sở đảng yếu kém được giảm dần.

Song song với các biện pháp trên, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy xây dựng quy chế làm việc, phân rõ trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ công tác, nhằm đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy và tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Đến nay, hầu hết các cấp ủy cơ sở trong tỉnh đã xây dựng được quy chế làm việc và qua quá trình thực hiện, đã tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy chế.

Một trong những nội dung được các cấp ủy quan tâm trong quá trình xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh là công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, thu hút cán bộ cho cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ban xây dựng Đảng và cấp ủy trực thuộc đưa đi đào tạo ở Trung ương, các trường của tỉnh, mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn ngày, tổ chức các hội thi bí thư chi bộ giỏi trong các loại hình tổ chức Đảng; hội thi chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giỏi; hội thi dân vận khéo; hội thi báo cáo viên giỏi về tư tưởng Hồ Chí Minh;... Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, trình độ nghiệp vụ và năng lực tổ chức thực tiễn của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Đảng bộ tỉnh, trong những năm qua, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới đến nay, đã lãnh đạo, chỉ đạo đạt kết quả toàn diện

trên tất cả các lĩnh vực: Hệ thống chính trị được củng cố, giữ vững an ninh, quốc phòng, kinh tế – xã hội tiếp tục phát triển theo hàng năm. Chỉ tính riêng năm 2008, GDP tăng 15,5%, trong đó các ngành công nghiệp tăng 21,3% và dịch vụ 17,3%, nông lâm thủy tăng 6%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng 57,9%; dịch vụ 31,5%; nông, lâm, thủy giảm còn 10,6%; thu hút vốn đầu tư trong nước thông qua cấp giấy chứng nhận đầu tư trên 22,5 ngàn tỷ đồng, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu tăng 25,1%, vốn đầu tư thực hiện trên 26 ngàn tỷ đồng tăng 31,8% so với năm 2007. Nhờ đó, tổng thu ngân sách trên địa bàn trên 12.730 tỷ đồng (đạt 118% dự toán năm và tăng 23% so với năm trước), trong đó thu nội địa trên 7.560 tỷ đồng (đạt 108% so với năm trước); có 85% ấp, khu phố và 93% hộ gia đình đạt danh hiệu ấp, khu phố, hộ gia đình văn hóa; toàn tỉnh có 71,9% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ thông trung học. Đang xây dựng đề án “xây dựng cơ chế thí điểm đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội để cho các đơn vị ngoài công lập thuê dài hạn” theo chỉ đạo của Chính phủ; việc thực hiện nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2006–2010 đạt được một số kết quả bước đầu về nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, chuẩn hóa và nâng chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị; giảm tỷ lệ hộ đói nghèo còn 4,14%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế là 85%; vào cuối năm 2008, 100% số xã có trạm y tế và bác sĩ phục vụ (trong đó có 61% số xã có bác sĩ phục vụ lâu dài; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 15,5%; nâng tỷ lệ hộ dùng điện lên 98%.

Có được kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự giúp đỡ của các bộ, ban ngành ở Trung ương và sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Trong đó, sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện trực tiếp của cấp ủy các cấp và tổ chức Đảng ở cơ sở giữ vai trò quan trọng, đã thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, điều hành, năng động, nhạy bén của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, được thể hiện trên các mặt như sau:

– Các cấp ủy Đảng đã tổ chức triển khai, quán triệt và thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Chính phủ, của các bộ, ngành, của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp trên; tăng cường thông tin, thống nhất nhận thức cũng như hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ đề ra. Tiến hành đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, điều lệ, đường lối của Đảng, uốn nắn các nhận thức lệch lạc, phê phán những quan điểm sai trái và luận điệu chống đối của những kẻ cơ hội về chính trị và bòn phân động.

– Trên lĩnh vực kinh tế, bên cạnh việc đánh giá những kết quả đạt được, đảng bộ đã kịp thời chỉ ra và có giải pháp khắc phục những mặt yếu kém, thiếu bền vững, nhấn mạnh phát huy nội lực, kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh, trong nước và nước ngoài. Trình độ lãnh đạo, quản lý của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị có bước trưởng thành và tiến bộ mới. Trong hoàn cảnh có những diễn biến phức tạp, Đảng bộ đã kịp thời phân tích tình hình, có biện pháp xử lý tổ chức thực hiện phù hợp.

– Thực hiện quan điểm và chủ trương về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Đảng bộ, các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tăng cường kiểm tra, xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định, cụ thể hóa việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; mở rộng các hình thức dân chủ lấy ý kiến tham gia vào nghiên cứu, tham mưu; xây dựng cơ chế, chính sách; tăng cường tiếp dân, đối thoại cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân.

– Triển khai, thực hiện chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sắp xếp, kiện toàn các sở, ngành, cơ quan, đơn vị trong tỉnh, bảo đảm tính kế thừa, phát triển và ổn định. Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, kiện toàn cán bộ chủ chốt.

– Đổi mới phương thức lãnh đạo của của các cấp ủy, lãnh đạo chặt chẽ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn, nhất là về lĩnh vực kinh tế. Thực hiện và hoàn thiện quy trình dân chủ trong Đảng và trong xã hội để tập hợp trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình thực hiện nghị quyết, thể chế hóa về mặt Nhà nước sớm hơn sau khi có nghị quyết của Đảng.

Nhìn chung, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nhất là từ khi thực hiện đổi mới đến nay, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều chuyển biến rõ nét, có tác dụng tích cực đến xây dựng địa phương, cơ quan, đơn vị trong sạch vững mạnh; cải thiện môi trường làm việc, thực hiện công khai dân chủ trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân được phát huy.

Tuy nhiên, việc nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ một số nơi thực hiện chưa tốt, đó là ở một số nơi hiện nay còn mang tính dân chủ hình thức, sự thiếu thẳng thắn, trung thực, giảm sút tinh thần đấu tranh bảo vệ nguyên tắc của Đảng, bảo vệ chân lý, biểu hiện cơ hội của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong sinh hoạt của một số cấp ủy và tổ chức Đảng chuẩn bị nội dung không chu đáo, thảo luận qua loa, nghị quyết không cụ thể, không tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động, né tránh, dễ người, dễ ta.... Nhiều vấn đề có tính nguyên tắc không được biểu quyết, không được kết luận rõ ràng hoặc không thảo luận kỹ đã biểu quyết. Do đó, có tình trạng là trong cuộc họp, hội nghị thì nhất trí nhưng ra ngoài lại nói khác hoặc không thực hiện, nói không đi đôi với làm. Ngược lại cũng có một số nơi lấy cơ đề cao dân chủ tập thể, nhưng người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, không dám đứng ra chịu trách nhiệm, dựa dẫm vào tập thể, không quyết đoán công việc, chưa làm hết chức trách của mình.

Mặt khác, một số nơi dân chủ không đi đôi với kỷ luật, do đó kỷ cương lỏng lẻo, nói và làm tùy tiện, chấp hành kỷ luật của Đảng và Nhà nước không nghiêm; có tình trạng vi phạm sinh hoạt dân chủ, nói xấu đả kích, làm mất uy tín nhau, gây nghi ngờ, chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ.

Nhìn chung việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ còn ở một số nơi bị buông lỏng, nhất là cấp cơ sở; Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh; sinh hoạt tự phê bình và phê bình ở một số nơi không thành nền nếp, có nơi còn nặng về hình thức, tự phê bình và phê bình còn yếu, thiếu tinh thần tự giác, tình trạng phổ biến là xuê xoa, dễ người, dễ ta. Ngược lại có nơi lại đấu đá, gây mất đoàn kết nội bộ hoặc trù dập người phê bình thẳng thắn, có nơi nội bộ không thống nhất, nhưng không nói ra, thủ lãn nhau, khi có vấn đề đụng đến cá nhân, khi bầu cử, đề bạt, bổ nhiệm mới bung ra.

Nguyên nhân chính là các cấp ủy Đảng, đặc biệt là những người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt, do đó, khi ban hành và thực thi đồng bộ những quy tắc, quy định và các chế tài cụ thể chưa tạo sự gắn kết, ràng buộc giữa tổ chức với tổ chức, cấp dưới với cấp trên, giữa tổ chức và cá nhân trong mỗi tổ chức.

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng và tạo dựng môi trường dân chủ lành mạnh là yêu cầu khách quan, là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Mọi vấn đề kinh tế – xã hội phải được dân chủ thảo luận ở nhiều cấp độ khác nhau. Có những vấn đề phải lấy ý kiến tham gia của nhân dân, của cơ sở, phải tổ chức điều tra xã hội học để khai thác trí tuệ của mọi người, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học và quản lý để quyết định các vấn đề phù hợp với quy luật. Chúng ta không thể đi ngược lại quy luật khách quan, chỉ có thể tìm phương pháp tác động cho sự vật vận động, phát triển cùng chiều, nhanh hơn, hiệu quả hơn mà thôi. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ cho chúng ta phương pháp khoa học là: thấy một cách sáng tỏ, vận dụng một cách thành thạo, có thái độ rộng rãi, khoan dung với người có chính kiến khác mình, đó là điều bình thường trong xã hội. Qua thảo luận, tranh luận, lật qua, lật lại sẽ hiểu rõ bản chất sự vật và dần dần tiếp cận cái đúng, chân lý; đồng thời hiểu rằng cái đúng không phải là bất di, bất dịch.

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ càng thực hiện dân chủ, đảm bảo việc đánh giá, bố trí cán bộ thực sự công tâm, khách quan, tìm đúng hiền tài cho phong trào, không để những phần tử cơ hội, thoái hóa biến chất chui sâu, leo cao vào bộ máy của Đảng và Nhà nước. Phải lượng hóa tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, từ phẩm chất, ý thức trách nhiệm, đến hiệu quả công việc để cán bộ, đảng viên có quyền tham gia lựa chọn, tiến cử trước khi cấp có thẩm quyền bàn và quyết định. Phải có nhiều phương án, phải có số dư để cân nhắc, lựa chọn.

Người đứng đầu (bí thư, thủ trưởng cơ quan) phải thực sự cầu thị, biết phát động, lắng nghe, chất lọc và kết luận vấn đề khách quan, khoa học. Chống các biểu hiện dân chủ hình thức, trù dập, định kiến với những người trung thực, nói thẳng; hoặc sử dụng dân chủ như một “thủ thuật” để hợp thức hóa những vấn đề cá nhân, hoặc ẩn bóng dưới danh nghĩa dân chủ để kích động bè cánh, gây nghi kỵ, hiểu nhầm, mất đoàn kết nội bộ.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ phải gắn với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Dân chủ trong Đảng tốt là điều kiện để phát huy dân chủ ngoài xã hội, dân chủ ngoài xã hội tốt là cơ sở để thực hiện tốt dân chủ trong Đảng. Do đó, từng cấp ủy Đảng và thủ trưởng cơ quan căn cứ vào nội dung Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 08/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ để cụ thể hóa thành các quy định trong mỗi cơ quan, đơn vị, đảm bảo quyền được thông tin, được bàn, được quyết định và được kiểm tra, giám sát của mọi người đối với các vấn đề thực hiện nhiệm vụ chính trị; tham gia quy trình bố trí cán bộ, khen thưởng, kỷ luật; tham gia xây dựng các quy chế, quy định quản lý, xây dựng cơ quan, quản lý lao động; công khai hóa các chế độ chính sách, quản lý tài chính và tài sản công...

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là yêu cầu cấp thiết để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Phát huy bản chất cách mạng và dân chủ của Đảng, đẩy lùi mọi biểu hiện quan liêu, cửa quyền, làm tổn hại đến uy tín và sức mạnh vốn có của Đảng.

Về công tác đảng viên, trên cơ sở nghị quyết của Tỉnh ủy, hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có kế hoạch cụ thể chỉ đạo công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên mới. Tỉnh đặc biệt chú ý kết nạp đảng viên ở ấp, khu phố, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào có đạo, trường học, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa có tổ chức Đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên... Phấn đấu để cuối năm 2010 tất cả các ấp, khu phố, các trường trung học phổ thông cơ sở công lập có chi bộ.

Nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên mới, khắc phục bệnh thành tích, chỉ chú ý nhiều đến số lượng mà hạ thấp tiêu chuẩn. Các cấp ủy trực thuộc đã cụ thể hóa sự chỉ đạo của Tỉnh ủy thành kế hoạch thực hiện, phân công các cấp ủy viên, các đoàn thể, giao chỉ tiêu bồi dưỡng quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng hàng năm cho từng tổ chức cơ sở Đảng. Kết quả, từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh đến nay (từ năm 2006 đến năm 2008) toàn tỉnh đã kết nạp được 8.880 đảng viên, bình quân mỗi năm có 2.960 quần chúng ưu tú được đứng trong đội ngũ của Đảng. Trong đó, tỷ lệ nữ chiếm 41,58%, trình độ học vấn: phổ thông trung học chiếm 90,79%, trình độ chuyên môn nghiệp vụ: công nhân kỹ thuật chiếm 5,4%, trung học chuyên nghiệp chiếm 27,31%, cao đẳng chiếm 10,72%, đại học chiếm 25,92%, thạc sĩ chiếm 0,27% và có 1 tiến sĩ. Công tác quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên cũng được chú trọng. Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm túc Quy định số 76 – QĐ/TW của Bộ Chính trị về “đảng viên đang công tác ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với Chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú”; thực hiện tốt việc phân tích, đánh giá chất lượng đảng viên với quy trình có sự phối hợp chặt chẽ tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Do đó, đã góp phần nâng cao chất lượng đảng viên. Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên tăng theo hàng năm, năm 2008 đạt 85,41%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra (Nghị quyết Tỉnh ủy 80%), so với năm 2007 tăng 8,81%; số đảng viên vi phạm tư cách còn 1,11%.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng được gắn với kiện toàn chính quyền cơ sở theo các tiêu chí xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh và triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, vừa phát huy quyền làm chủ, vừa đề cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế – xã hội ở cơ sở. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở cả về chính trị, quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ. Tích cực thực hiện tuyển chọn những sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học có chuyên môn phù hợp về công tác tại cơ sở để đào tạo, bồi dưỡng. Đến nay, tất cả chính quyền các xã, phường, thị trấn đều đã xây dựng được quy chế làm việc, phân công rõ trách nhiệm các thành viên, duy trì tốt chế độ giao ban hàng tháng; quy định quan hệ phối hợp giữa Ủy ban nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở. Các đoàn thể nhân dân đã chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động nên đã tập hợp được ngày càng đông đoàn viên, hội viên, góp phần động viên nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh.

Từ thực tiễn thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh thời gian qua, có một số kinh nghiệm như sau:

– Nâng cao nhận thức thống nhất trong Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ, đó là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt Đảng, giữ gìn bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Mặt khác, phải tiếp tục thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo hướng sinh hoạt thật dân chủ để bảo đảm kỷ cương trong Đảng.

– Thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng. Có cơ chế phù hợp để lấy ý kiến quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên theo định kỳ, đồng thời bảo vệ người thẳng thắn phê bình, phát hiện sai phạm của cán bộ, đảng viên. Cấp ủy, tổ chức Đảng ở cấp cơ sở phải nghiêm túc cụ thể hóa và lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định hiện có, loại bỏ những quy định không còn phù hợp với yêu cầu mở rộng dân chủ và tăng cường kỷ luật trong Đảng.

– Cũng cố đoàn kết trong nội bộ từng cấp ủy và từng tổ chức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, lần thứ VIII của Đảng bộ tỉnh. Ở những nơi có dấu hiệu mất đoàn kết thì cấp ủy phải sớm trực tiếp kiểm điểm tự phê bình và phê bình, trước hết từng đảng ở đó phải có trách nhiệm tự kiểm điểm, giải quyết, không để dây dưa, kéo dài.

– Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng. phải thực hiện tốt hơn nữa chức năng kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp.

Để thực hiện tốt *Di chúc* của Người và Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về “nguyên tắc tập trung dân chủ và vấn đề xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh” cần thực hiện một số nội dung trong thời gian tới như sau:

– Tiếp tục quán triệt nâng cao nhận thức nhằm thống nhất trong tổ chức Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ, đó là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức Đảng và sinh hoạt Đảng, đảm bảo cho sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Mặt khác, phải tiếp tục xây dựng, bổ sung quy chế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ cụ thể theo hướng sinh hoạt thật sự dân chủ để đảm bảo kỷ cương trong đảng được chặt chẽ hơn. Đưa ra khỏi Đảng những người công khai phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ.

– Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức Đảng, chuẩn bị chu đáo nội dung các kỳ họp, mở rộng dân chủ, khuyến khích tranh luận thẳng thắn, tôn trọng và tập hợp ý kiến của các cấp ủy, đảng viên trước khi quyết nghị. Khi có ý kiến khác nhau càng phải thảo luận kỹ càng và đối với những vấn đề quan trọng phải biểu quyết; khi cần thiết có thể tiến hành điều tra, khảo sát, làm thí điểm rồi kết luận. Cụ thể hóa nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quy định cụ thể cơ chế đa số trong biểu quyết và chế độ trách nhiệm người đứng đầu.

– Định kỳ tổ chức sinh hoạt chính trị, học tập lại cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng cho tất cả đảng viên, kết hợp với tự kiểm điểm việc thực hiện của từng người, từng tổ chức. Đồng thời quy định chế độ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

– Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Có cơ chế phù hợp để lấy ý kiến quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên theo định kỳ hàng năm; bảo vệ những người thẳng thắn phê bình đúng đắn, phát hiện sai phạm của cán bộ, đảng viên. Tổ chức Đảng phải nghiêm túc cụ thể hóa và lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Rà soát, bổ sung các quy định hiện có nhằm mở rộng yêu cầu dân chủ và tăng cường kỷ luật của Đảng.

– Củng cố đoàn kết thống nhất nội bộ từng cấp ủy, từng tổ chức. Ở những nơi có dấu hiệu mất đoàn kết thì cấp ủy, từng tổ chức cấp trên phải sớm trực tiếp chỉ đạo việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, trước hết từng đảng viên ở đó phải có trách nhiệm tự kiểm điểm, tự giải quyết, chỉ rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân.

– Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ theo tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 25/5/2007 của Ban Tổ chức Trung ương, Thông tri số 35-TT/TU ngày 24/3/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phân công và kiểm tra công tác đảng viên; thực hiện tốt Quy định 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về “đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với Chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú”.

– Cải tiến việc ra nghị quyết, cấp ủy ra nghị quyết khi thấy cần thiết và lựa chọn đúng vấn đề cơ bản và bức xúc. Tăng cường điều tra xã hội học, thăm dò dư luận và khai thác thông tin từ nhiều nguồn để nắm chắc tình hình mọi mặt, coi đó là nguồn thông tin quan trọng cho việc chuẩn bị các quyết định của cấp ủy. Không ra nghị quyết chung chung, mô phỏng theo nghị quyết của cấp trên mà phải cụ thể,

phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng ngành, từng cấp, từng địa phương và từng cơ sở. Công khai hóa nghị quyết của cấp ủy, tổ chức Đảng có liên quan đến phát triển kinh tế – xã hội, cải thiện đời sống nhân dân (không thuộc bí mật của Đảng và bí mật quốc gia), nhất là ở cơ sở để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra các hoạt động của Đảng nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng.

– Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên, khắc phục cách làm hình thức không phản ánh đúng thực chất. Tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn những tổ chức cơ sở đảng yếu kém và những tổ chức cơ sở đảng có mặt còn hạn chế; nâng cao chất lượng đảng viên có hạn chế từng mặt và khuyết điểm trong công tác; đặc biệt quan tâm chỉ đạo phân công giúp đỡ những đảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm tư cách, phấn đấu trở thành đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

– Phải tạo sự đồng bộ giữa xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh với xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vững mạnh, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị; chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

– Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cấp ủy, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý ngày càng cao ở địa phương, đơn vị. Thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ cấp ủy, cán bộ cho hệ thống chính trị ở cơ sở.

– Tổ chức tốt công tác thi đua, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong cuộc vận động xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong sạch vững mạnh, tạo nên động lực tinh thần cổ vũ khích lệ phong trào, hoàn thành nhiệm vụ.

Tỉnh ủy Đồng Nai tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, trong đó coi trọng giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là khâu then chốt. Tập trung chuẩn bị tốt đại hội Đảng bộ, bầu cử hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh, trước mắt chuẩn bị đại hội, bầu cử hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp cơ sở. Sau đại hội, bầu cử tiếp tục xây dựng những mục tiêu và hệ thống giải pháp sát hợp để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐẢNG, PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Ban Dân vận Tỉnh ủy

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo thực hiện ở nước ta đã diễn ra đã gần 25 năm. *Dân chủ hóa* mọi mặt đời sống xã hội là dấu hiệu phản ánh nét đặc trưng về nội dung và phương thức thực hiện đường lối đổi mới ở Việt Nam.

Điểm mấu chốt, cực kỳ quan trọng phải được khẳng định trong vấn đề thực hiện dân chủ là chủ thể của dân chủ – chính là “dân” vì “dân là chủ” và “dân làm chủ”. Nói đến dân, trước hết và chủ yếu là nhân dân lao động. Đó là những người lao động (chân tay và trí óc) đang miệt mài lao động, sáng tạo ra những của cải (vật chất và tinh thần) cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Họ là những người sáng tạo. Dân là vĩ đại, nhưng để trở nên vĩ đại thì họ phải được tập hợp, tổ chức lại.

Trong lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học, C. Mác đã chỉ ra rằng: nhân dân tổ chức thành Công xã, bản chất của chính quyền nhân dân là sự quản lý nhân dân bởi chính nhân dân. V.I. Lênin cụ thể hóa thêm: chính bản thân toàn dân được vũ trang do các Xô viết tập hợp, chính họ phải quản lý nhà nước. Chủ nghĩa Mác – Lênin là một học thuyết cách mạng của giai cấp công nhân, nhưng nó chủ trương giành chính quyền không chỉ cho một giai cấp mà cho cả nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân lao động là một tư tưởng lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nó cần được quán triệt trong

nhận thức của tất cả những người cách mạng cũng như trong toàn xã hội. Đối với những nước vốn là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, người dân đã từng sống dưới ách nô lệ của bọn đế quốc và phong kiến như nước ta trước đây thì việc quán triệt nhận thức trên lại càng có ý nghĩa. Và từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, nhân dân ta đã làm chủ nước nhà, thông qua bộ máy Nhà nước có bản chất của dân, do dân và vì dân. Do vậy, cán bộ có thẩm quyền tư tưởng coi dân là chủ và hoạt động với tư cách “người đày tớ” thì dân mới phát huy quyền làm chủ thật sự.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi con người (dân) với những lợi ích và năng lực của mình vừa là động lực, vừa là mục tiêu của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa mà trước hết là quyền làm chủ đất nước. Và quyền con người trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa trước hết phải có nội dung hàng đầu là tự do, hạnh phúc, là cơm ăn, áo mặc và học hành. Con người trong điều kiện đó: phải biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà; họ phải biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm. Hiểu quyền và biết đến dùng quyền và đến dám nói, dám làm là những vấn đề có liên quan trực tiếp với nhau và ở các trình độ khác nhau của quá trình thực hành và phát triển dân chủ. “Trong xã hội dân chủ, dám mà không hiểu sẽ tất yếu dẫn tới vi phạm luật pháp và gây ra tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ. Nhưng biết mà không dám là chưa hiểu biết, là không có hoặc thiếu bản lĩnh của người làm chủ”.

Bởi vậy, hiểu biết quyền làm chủ, hiểu biết luật pháp, hiểu biết những cái được làm và cái không cấm là những vấn đề thuộc về hiểu biết của con người công dân. Từ con người công dân, với sự hiểu biết quyền lợi, nghĩa vụ, biết hưởng, biết dùng quyền lợi và nghĩa vụ đó, đến thực hành dân chủ, dám nói, dám làm, có trách nhiệm đạo đức đối với xã hội, cộng đồng là con người hoàn thiện và ở một trình độ cao của xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾.

¹ Phạm Hồng Chương, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ*, Nxb. Lý luận chính trị, H, 2004, tr.193.

Tư tưởng nhân dân lao động làm chủ xã hội được thể hiện ở Hồ Chí Minh ngay từ câu dịch trên và đây cũng là tư tưởng của Người quán triệt suốt cả cuộc đời hoạt động của mình, cho đến bản *Di chúc* mà Người để lại: “Đảng ta [...] phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”⁽¹⁾.

Nhưng trong thực tế, chưa phải tất cả đều đã hiểu được phải tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy trước tình trạng ấy nên Người đã chỉ rõ: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan, phát tài” và Người dạy: “Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”⁽²⁾. Trong quá trình lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất nghiêm khắc phê phán những lỗi lầm như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư tưởng chia rẽ, kiêu ngạo của các “quan cách mệnh”, “coi khinh nhân dân”, “cậy thế với dân”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kiên trì giáo dục tư tưởng cách mạng nói trên. Người đòi hỏi cán bộ không chỉ có tinh thần phụ trách trước hết với nhân dân. Bởi vì Đảng, Chính phủ cũng vì dân mà phục vụ.

Theo Hồ Chí Minh việc gì có lợi cho dân, người cán bộ phải cố gắng làm; việc gì có hại cho dân cán bộ phải ra sức tránh. Tất nhiên lợi và hại ở đây phải được hiểu theo quan điểm toàn cục, lâu dài của giai cấp vô sản, của dân tộc. Cho nên, cách tổ chức, cách làm việc nào “hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc”⁽³⁾. Hồ Chí Minh giải thích: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Nói tóm lại, quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân”.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2002, tr.498.

² Sđd, tập 4, tr.56.

³ Sđd, tập 5, tr.246.

Nước ta vốn từ chế độ phong kiến lạc hậu hàng nghìn năm. Thực dân Pháp cai trị gần trăm năm, lại duy trì những mặt tiêu cực của xã hội phân chia ngôi thứ, cấp bậc nặng nề. Những tàn dư lạc hậu trong tư tưởng và tập quán lỗi thời ấy không dễ gì có thể xóa bỏ nhanh chóng được. Bởi vậy, khi chuyển sang giai đoạn lịch sử mới, một số cán bộ tham gia cách mạng vẫn mang nặng những tư tưởng và lễ thói cũ một cách không tự giác. Thấy trước được thực trạng này, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy phải bỏ thói: một người làm quan cả họ được nhờ, phải “gột sạch óc quan liêu ngôi thứ”, phải chống thói phe cánh, bè phái và sống lâu lên lão làng. Dân chủ là dân có quyền lựa chọn những người đủ đức, đủ tài, thay mặt mình lo việc nước. Cán bộ, đảng viên cũng là dày tớ của dân. Người nói: “Từ chủ tịch nước đến cán bộ cơ sở đều là dày tớ của dân. Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng đều do mồ hôi nước mắt của dân làm ra. Vì vậy, chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân”.

Để phát huy quyền làm chủ thực sự của dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lo cho dân “được học hành”. Bởi vì, người mù chữ, như V.I. Lênin nói: sẽ đứng ngoài chính trị. Do đó, làm cho ngu dân để dễ bề cai trị là một thủ đoạn thâm độc của bọn thực dân. Chính với quan điểm như vậy mà trong khi phải lo giữ chính quyền mới giành được, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho các cấp tổ chức ngay việc chống giặc dốt bên cạnh việc chống giặc đói, giặc ngoại xâm.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người luôn quan tâm tới việc nâng cao trình độ dân trí. Người vạch rõ: “Dưới chế độ thực dân, phong kiến, mục đích đi học cốt được mảnh bằng để làm ông thông, ông phán, lãnh lương nhiều, ăn ngon, mặc đẹp,... Ngày nay... học để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân”. Và người đề phòng tư tưởng học để ăn trên, ngồi trốc đối với nhân dân. Người căn dặn anh chị em đi học không phải như ngày xưa mà đi học về để làm người cán bộ phục vụ nhân dân, luôn luôn làm lợi cho nước, cho dân.

Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải rèn luyện phẩm chất và năng lực, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Mặt khác, muốn phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trước hết dân phải được ăn no, mặc ấm, khỏe mạnh,... Vì thế, Người chủ trương, Đảng phải lo cả tương cà, mắm muối, thuốc men,... cho nhân dân. Người chỉ rõ: “Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo”⁽¹⁾.

Sau khi qua đời, Người còn dặn lại: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”⁽²⁾. Chỉ có Đảng vì dân, coi dân là người chủ mới có tinh thần trách nhiệm cao, mới chu đáo, tận tình với dân đến như vậy. Trong những lần nói chuyện với cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở, mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: mình vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân. Người nhấn mạnh: “làm đày tớ cho nhân dân” chứ không phải làm “quan” nhân dân. Lãnh đạo là làm đày tớ nhân dân và phải làm cho tốt.”

Muốn thế, cán bộ phải làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ và biết dùng quyền dân chủ của mình một cách đúng đắn. Chính vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc thảo ra Hiến pháp dân chủ – Hiến pháp xã hội chủ nghĩa của nước ta và điều lệ các đoàn thể, các nội quy. Chúng ta đều biết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ phổ biến Điều lệ Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tỉ mỉ đến như thế nào. Người nói: “phải in khổ nhỏ, vừa lòng bàn tay; bọc ni lông để nông dân để có thể bỏ trong túi và khi cần thì rút ra dùng là có ngay”. Người còn quan tâm đến việc mở hội nghị công nhân viên chức và phê phán những địa phương, cơ quan (cả cơ quan Trung ương) không tổ chức họp đều đặn và đúng kỳ loại hội nghị này...

Tư tưởng về giáo dục cán bộ tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân lao động được Hồ Chí Minh sử dụng bằng nhiều hình thức, cách thức như: nêu gương; nói chuyện; chủ trì các cuộc hội nghị; đi thăm

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2002, tập 10, tr.463.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2002, tập 12, tr.498.

các cơ sở và bằng các bài viết gửi cho các tầng lớp, lứa tuổi trong cả nước,... Người chỉ rõ: về hình thức, nhân dân ta nay đã được làm chủ Nhà nước, làm chủ xã hội. Nhưng chưa phải nhân dân lao động ai cũng giác ngộ như nhau. Hơn nữa, phải có trình độ, năng lực và quản lý thì giờ rồi. Mà quản lý xã hội là điều mới mẻ cả với cán bộ và nhân dân. Nhân dân còn mải lo kiếm sống hàng ngày. Cho nên, việc quản lý xã hội đáng lẽ do toàn dân nắm lấy thì ở nước ta cũng như nhiều nước anh em trong giai đoạn hiện nay được ủy thác cho cán bộ đảng và chính quyền.

Cho đến nay, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục cán bộ, tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân lao động vẫn là những quy tắc, nguyên tắc và lời huấn thị cao cả, quý báu đối với cán bộ, đảng viên ta. Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cùng nhau nghiên cứu, học tập, suy ngẫm một tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Cán bộ phải tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân lao động với ý chí thực hiện đó, đưa nó vào hành động hàng ngày của chúng ta, vào trong công tác, trong quan hệ với dân.

Dân chủ hóa, mở rộng dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực của phát triển và tiến bộ xã hội để thực hiện: toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân. Đảng ta nhận thấy vấn đề dân chủ trước tiên và trọng yếu lại xuất phát từ cơ sở, thực hiện dân chủ ở cơ sở có ý nghĩa quan trọng cấp bách, cơ bản và lâu dài. Đảng, Nhà nước đã từng bước nhận thức và có những giải pháp mạnh mẽ thể hiện sự hướng về cơ sở và thực hiện dân chủ ở cơ sở – Đây chính là sự sáng tạo của Đảng ta trong lãnh đạo chỉ đạo hoạt động thực tiễn.

Trong tiếng Việt, khái niệm *cơ sở* rất phong phú, sinh động, được sử dụng trong khá nhiều trường hợp khác nhau – biểu đạt những nghĩa không hoàn toàn như nhau. *Cơ sở* có khi được hiểu là chỗ dựa, là căn cứ của một lực lượng, một tổ chức, một phong trào; có khi, *cơ sở* lại được hiểu là nền móng, nền tảng trên đó có thể dựng nên những công trình, những sự nghiệp. Thuật ngữ *cơ sở*, được hiểu là một cấp trong hệ thống bốn cấp quản lý của tổ chức hành chính ở nước ta hiện nay. Theo đó có thể hiểu, *cơ sở* (xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp,

trường học,...) là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, là địa bàn nhân dân sinh sống, lao động, sản xuất, công tác. là nơi diễn ra các mối quan hệ nhiều mặt giữa các tầng lớp nhân dân với Đảng bộ và chính quyền, cán bộ, công chức điều hành xử lý công việc thường ngày.

Cơ sở là hình ảnh thu nhỏ của xã hội, của Nhà nước, là cấp độ cuối cùng trong cấu trúc tầng bậc của hệ thống tổ chức xã hội – Nhà nước. Đảng ta đã từng chỉ ra rằng, *cơ sở* là nơi chính quyền trong lòng dân, nơi tổ chức Đảng, thể chế và hệ thống chính trị gần dân nhất, sát với dân nhất, nơi diễn ra thường xuyên và hàng ngày việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trực tiếp gắn bó với *cơ sở*, người dân bộc lộ mình dưới nhiều diện mạo, tham gia vào nhiều tổ chức đoàn thể, nhóm, hội với nhiều hoạt động khác nhau và xử lý nhiều quan hệ chính trị – xã hội khác nhau... Sức mạnh của *cơ sở* chính là sức mạnh của con người được khơi dậy và khai thác tối đa theo các “lớp”, “lát cắt” khác nhau ấy. Sẽ là một thiếu sót lớn nếu như chúng ta không biết phát huy và có cơ chế phát huy tiềm năng đó từ *cơ sở*.

Thực tế quá trình xây dựng và phát triển đất nước đã cho thấy, chính *cơ sở* là nơi nảy sinh, khơi nguồn để hình thành nên tư tưởng lý luận về đổi mới. Những quyết sách chính trị của Đảng trong thời kỳ đổi mới sở dĩ tạo nên sự đồng thuận xã hội cao bởi trước hết đó là sự tổng kết, sự khái quát những tìm tòi, những thể nghiệm của chính quần chúng nhân dân trong sự mưu sinh hàng ngày của họ ở *cơ sở*.

Thực tế cho chúng ta thấy *cấp cơ sở* có một vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển nhiều mặt của xã hội. Điều đó được thể hiện khái quát ở những khía cạnh sau:

+ *Cấp cơ sở* là nơi cung cấp nguồn lao động cho xã hội và đồng thời cũng là nơi giải quyết vấn đề việc làm cho nhân dân lao động;

+ *Cấp cơ sở* là nơi thực hiện một cách rộng rãi và trực tiếp nhất quyền làm chủ của nhân dân;

+ *Cấp cơ sở* vừa là cầu nối giữa dân với Đảng và Nhà nước, là nơi quyết định và trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, đường lối, chính

sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tiếp thu ý kiến phản hồi của nhân dân;

+ Cấp cơ sở là nơi trực tiếp giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc;

Xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của cấp cơ sở, từ thực trạng đời sống dân chủ ở cơ sở, Đảng ta chú trọng tiếp tục phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết ở cơ sở.

Từ quan niệm về dân chủ và quan niệm về cơ sở như trên, ta có thể định nghĩa về *dân chủ ở cơ sở* như sau:

Dân chủ ở cơ sở là quá trình đưa những giá trị dân chủ vào đời sống xã hội một cách trực tiếp và rộng rãi nhất ở chính nơi mà nhân dân đang sinh sống, làm việc hàng ngày.

Cũng có thể hiểu *dân chủ ở cơ sở* là quá trình hiện thực hóa cơ chế hoạt động của hệ thống tổ chức quyền lực ở cơ sở sao cho nhân dân được bảo đảm một cách trực tiếp và rộng rãi nhất những quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra ở chính nơi họ đang sinh sống và làm việc hàng ngày.

Đổi mới, dân chủ hóa cơ sở thực chất là quá trình làm cho văn hóa thấm thấu vào kinh tế và chính trị, làm cho chính trị càng ngày càng dân chủ hóa, khoa học hóa, văn hóa hóa, trở thành những giá trị, chuẩn mực thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành nhu cầu, lối sống của mọi tầng lớp dân cư. Dân chủ ở cơ sở diễn ra trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội một cách trực tiếp và sinh động, liên tục đối với mọi người, mọi lứa tuổi. Nó được thực hiện thông qua các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, bằng trình độ nhận thức đúng đắn và khả năng hành động thực tiễn của mỗi người.

Ngày nay, công cuộc đổi mới đòi hỏi phải phát huy nội lực đồng thời phải hợp tác quốc tế có hiệu quả để tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nguồn nội lực quan trọng nhất là con người, là nhân dân – là tất cả sức mạnh vật chất và ý chí,

trí tuệ của nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân là tạo ra nguồn lực dồi dào ấy.

Đảng Cộng sản Việt Nam trải qua gần 80 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam với mục tiêu tất cả mọi quyền lợi, mọi lợi ích thuộc về nhân dân, ngoài ra Đảng không có lợi ích nào khác. Với mục tiêu ấy, Đảng ta đã lãnh đạo dân nhân giành được thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và giành được thắng lợi bước đầu trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, cho đến nay khi công cuộc đổi mới được triển khai một cách toàn diện và đi vào chiều sâu thì vấn đề dân chủ lại nảy sinh những vấn đề phức tạp. Do vậy, việc phân tích rõ dân chủ là mục tiêu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những bài học đã qua và những giải pháp thực hiện dân chủ hiện nay là đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn.

Trên thực tế, sự nghiệp dân chủ hóa nước ta gặp không ít khó khăn, thách thức, còn nhiều vấn đề tồn tại dai dẳng mà chưa giải quyết dứt điểm. Cho đến nay, xác định cho được nội dung, phạm vi, phương thức thực hiện Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý còn là bài toán chưa có đáp số, vẫn còn tình trạng chông lán, chông chéo lãnh đạo và quản lý giữa Đảng và Nhà nước. Trùng chức năng được coi là thảm họa của quản lý, hơn nữa nó cản trở việc triển khai các thể chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Lực lượng của chế độ dân chủ là nhân dân. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, khi nào đặt đúng vị trí, vai trò của nhân dân trong cách mạng, thì lúc đó cách mạng gặp thuận lợi, giành được nhiều thành tựu, nếu ngược lại sẽ phải trả giá. Vấn đề này còn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Nó giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và dân chủ, giữa lực lượng của dân tộc và lực lượng của dân chủ, giữa nội dung của những nhiệm vụ dân tộc và nội dung của những nhiệm vụ dân chủ trong cách mạng. Đây là hai vấn đề quan hệ rất chặt chẽ khi xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ở nước ta, không có cái dân tộc đối lập với dân chủ và không có cái dân chủ phản lại cái dân tộc. Không ý thức được dân tộc thì cũng

không có tinh thần dân chủ không có tinh thần dân chủ thì cũng không thấy được quyền lợi dân tộc. Ở nước ta, ý thức dân chủ, tinh thần dân chủ phải là dân chủ xã hội chủ nghĩa. Hình thành một ý thức dân chủ như vậy trong khi đại đa số nhân dân chưa trải qua trường học dân chủ tư sản, là một việc rất khó. Từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ qua bão táp của cách mạng, nhiều cán bộ và người dân chưa thấy hết sự cần thiết phải chuẩn bị cho dân chủ như thế nào. Vì thế, nhiều cán bộ lãnh đạo không biết lãnh đạo theo phương pháp dân chủ, nhiều công dân đã được trao quyền dân chủ cho rồi mà không biết sử dụng quyền đó, không coi đó là quan trọng, là thành tựu cách mạng để bảo vệ và phát huy nó, thậm chí còn có biểu hiện thờ ơ, coi thường, làm tầm thường hóa nó, làm tha hóa những nội dung dân chủ thiêng liêng và cao cả.

Dân chủ chỉ có thể được xác lập và thể chế hóa trong điều kiện lịch sử cụ thể. Sự phát triển của các hình thức dân chủ, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của nó phụ thuộc rất nhiều vào truyền thống dân tộc. Mỗi dân tộc áp dụng một mô hình dân chủ phù hợp với điều kiện, đặc điểm và truyền thống của riêng mình. Không có mô hình dân chủ chung cho tất cả các quốc gia, dân tộc.

Nhận thức về lực lượng của chế độ dân chủ ở nước ta có diễn biến thăng trầm khác nhau nhưng việc xem đoàn kết dân tộc là động lực trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh* – là đưa toàn bộ nhân dân vào vị trí trung tâm của đời sống dân chủ. *Đoàn kết mới có dân chủ và trên cơ sở dân chủ mới có đoàn kết*. Đó là bài học được rút ra qua nhiều thời kỳ cách mạng khác nhau của dân tộc ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân lao động nước ta đã trở thành lực lượng chính trị vô cùng mạnh mẽ làm nên Cách mạng tháng Tám, đánh thắng được hai đế quốc Pháp và Mỹ đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ nước nhà. Làm được điều đó, Đảng ta luôn thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh: Mọi lực lượng đều ở nơi dân, mọi quyền hạn đều là của dân, mọi thắng lợi đều bắt nguồn từ nhân dân, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Nhận thức đúng và vận dụng sáng tạo những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã sớm xác định việc mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn đứng vững trên lập trường quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức sâu sắc vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Muốn phát huy dân chủ cho nhân dân, phải nâng cao năng lực thực hành dân chủ của quần chúng lao động. Năng lực đó phải được xây dựng và bồi đắp trong suốt quá trình giải quyết các nhiệm vụ về *dân sinh, dân tri và dân quyền*.

Đói nghèo luôn cột chặt con người vào vòng luẩn quẩn của mưu sinh. Một con người nghèo khổ không thoát khỏi địa vị của kẻ phụ thuộc, một dân tộc nghèo nàn, lạc hậu khó nói đến tự do. Do vậy, để trở thành một con người, một cộng đồng, một dân tộc thật sự tự do về phương diện chính trị, trước hết họ phải được tự do về phương diện kinh tế. Tức là quần chúng nhân dân phải vượt qua được đói nghèo, phải có được một cuộc sống vật chất, tinh thần ấm no, hạnh phúc.

Từ ngày giành được độc lập đến nay, trong mọi hoàn cảnh lịch sử, dù khó khăn đến mấy, các nhiệm vụ *dân sinh* luôn được Đảng và Nhà nước ta chăm lo giải quyết. Mọi đường lối phát triển đất nước đều hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hàng loạt các cải cách kinh tế, xã hội đã và đang được thực hiện nhằm nhanh chóng đưa nước ta thoát khỏi tình trạng đói nghèo, lạc hậu. Tuy nhiên, ở một đất nước nông nghiệp như nước ta, cuộc sống vật chất của người dân tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn còn rất khó khăn. Vòng luẩn quẩn của mưu sinh vẫn đang hạn chế khả năng thực hành dân chủ của nhân dân. Trong đói nghèo, dân chủ dễ bị lợi dụng. Những bài học rút ra từ thực tiễn các tỉnh Tây Nguyên thời gian qua đã và đang minh chứng cho điều ấy. Khoan sức dân, tạo thế phát triển kinh tế cho mỗi người, mỗi nhà,

mỗi cộng đồng là điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực làm chủ của quần chúng nhân dân.

Giải quyết các vấn đề *dân sinh* luôn gắn liền với việc giải quyết các nhiệm vụ *dân trí* và là điều kiện để thúc đẩy dân trí.

Để cho nhân dân thực sự tin tưởng vào khả năng làm chủ quyền lực Nhà nước của mình và việc thực thi quyền lực đó phụ thuộc vào chính họ chứ không phải ai khác, cần thiết phải “giáo hóa” nhân dân. Sự thấp kém về dân trí hạn chế rất lớn khả năng thực hiện quyền làm chủ của nhân dân đối với quyền lực Nhà nước. Do vậy, nhiệm vụ nâng cao dân trí cho nhân dân là một trong những nhiệm vụ hàng đầu song song với việc nâng cao cải thiện điều kiện sống. Dân chủ với tính cách là quyền lực thuộc về nhân dân là một giá trị xã hội, là thành quả của đấu tranh cách mạng, lâu dài gian khổ, đưa nhân dân tới địa vị người chủ và làm chủ. Sử dụng dân chủ như thế nào để đạt được hiệu quả phát triển lại tùy thuộc vào khả năng thực hành dân chủ của quần chúng nhân dân. Chính vì thế, nâng cao trình độ học vấn của nhân dân nhằm giúp họ xây dựng năng lực thực hành dân chủ, giáo dục nhân dân cách thức thực hiện và bảo vệ dân chủ để họ trở nên tự do và biết cách bảo vệ tự do của mình. Một dân tộc và cộng đồng nhân dân đông đảo trong xã hội có văn hóa sẽ biết cách bảo vệ dân chủ và tự do của mình, biết làm chủ không chỉ số phận mình, mà còn làm chủ một cách thật sự Nhà nước của chính mình.

Dân chủ xét về bản chất và nội dung của nó không chỉ là vấn đề kinh tế, chính trị tư tưởng mà còn là vấn đề pháp lý. Tính chất và nội dung pháp lý của dân chủ được thể hiện sâu sắc trong vấn đề *dân quyền*.

Quyền của nhân dân đối với Nhà nước được xác lập thông qua các quy định pháp lý về dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Các quy định này không chỉ tạo ra năng lực pháp luật cho quần chúng

nhân dân trong quan hệ với quyền lực mà còn xác lập năng lực hành vi của nhân dân trong quá trình thực hành dân chủ ⁽¹⁾.

Dân chủ đại diện là một phương thức cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân được thực tiễn hoạt động Nhà nước trong các quốc gia dân chủ ghi nhận, được khẳng định trong hiến pháp và pháp luật của tất cả các quốc gia dân chủ.

Ở Việt Nam, dân chủ đại diện, chế độ “dân ủy” được khẳng định ngay trong Hiến pháp đầu tiên của nước ta và tiếp tục khẳng định trong tất cả các bản Hiến pháp sau này. Điều 6, Hiến pháp 1992 (sửa đổi) quy định: “Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân”.

Các biểu hiện của dân chủ trực tiếp trong mối quan hệ giữa nhà nước và cá nhân được quy về các quyền cơ bản của công dân, đặc biệt là quyền về chính trị: ví dụ như quyền bầu cử, ứng cử, quyền tham gia quản lý các công việc Nhà nước, quyền khiếu nại, tố cáo hay được quy về trách nhiệm của các cơ quan công quyền như chế độ báo cáo trước dân, chế độ công khai, chế độ phê bình và tự phê bình.... Trong hệ thống pháp luật, phương thức dân chủ trực tiếp được hiểu là các “kênh”, các “phương thức” thực hiện dân chủ như: chế độ bầu, bãi miễn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, chế độ trưng cầu ý dân, các hoạt động góp ý kiến của dân vào các chủ trương, chính sách, các dự thảo pháp luật của Nhà nước.

Đảng ta chủ trương phải thực hiện dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở. Phải làm sao để nhân dân hiểu dân chủ một cách thiết thực, để nhân dân cảm nhận dân chủ gần gũi, gắn bó với cuộc sống hàng ngày của họ, trực tiếp tham gia quyết định những vấn đề ở tại nơi sinh sống của mình.

¹ Nguyễn Thị Hiến Oanh, *Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, H, 2005, tr.50-51.

“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” là một chủ trương mang tính sáng tạo trong việc thực hiện bài học “lấy dân làm gốc” mà Đảng ta đã tổng kết từ trong thực tiễn cách mạng của nhân dân trải qua nhiều thời kỳ lịch sử vẻ vang của dân tộc. Sự nghiệp dân chủ hóa là cả một quá trình, quá trình đó phải thực hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong tất cả các cấp của Đảng, của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, kiên trì với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ đã lựa chọn, cũng chính là kiên trì xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa – chế độ chính trị tốt nhất hiện nay, mà Đảng và Nhà nước ta đang quyết tâm thực hiện với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Phương châm này thể hiện trình tự thống nhất từ nhận thức chính trị đến hành động chính trị, đúng với quá trình quản lý của Nhà nước nhằm phát huy sức mạnh quyền làm chủ của nhân dân tham gia một cách trực tiếp vào xây dựng và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Trong toàn bộ tiến trình thực hiện và tuyên truyền dân chủ, có hai hình thức phổ quát nhất: dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp – nếu hiểu theo nghĩa là những cơ chế biểu thị quyền chính trị của nhân dân, song tựu chung lại, Đảng ta coi khâu quan trọng nhất là dân chủ ở cơ sở.

Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền làm chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất⁽¹⁾. Muốn vậy, Đảng và Nhà nước yêu cầu mọi người, mọi tổ chức ở cơ sở đều phải nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở xây dựng cụ thể hóa cho từng loại cơ sở xã, phường, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu, cơ quan hành chính,... phù hợp với đặc điểm của từng loại cơ sở.

¹ Trần Văn Sơn, *Quy chế dân chủ ở cơ sở*, Nxb. Lao Động, H, 2000, tr.4.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã có đường lối về phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, có nhiều nghị quyết, chỉ thị về thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Từ thực tiễn phong trào quần chúng về phát huy dân chủ ngay từ thập kỷ 80, ngày 28/11/1984 Đảng ta đã tổng kết và đưa ra Chỉ thị 53-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về công tác dân vận và nêu ra phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) phương châm trên đã được chính thức đưa vào Văn kiện cùng với quan điểm về bài học “*lấy dân làm gốc*”. Đến Đại hội VIII của Đảng, Đảng ta đã yêu cầu thể chế hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và giao cho Bộ Chính trị ra Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18/2/1998 “Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”; theo đó Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội đã xây dựng thành Pháp lệnh. Chính phủ có các nghị định tổ chức thực hiện.

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có dân số là 2.483.211 người (số liệu điều tra dân số 4/2009), trong đó số người có đạo chiếm gần 60% dân số, riêng Công giáo chiếm hơn 33%, Phật giáo hơn 22% dân số. Có 31 dân tộc thiểu số và người Hoa chiếm 8% dân số. Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong tỉnh tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”, nét nổi bật nhất là đã đề cao trách nhiệm lãnh đạo của các cấp ủy và vai trò điều hành quản lý của chính quyền, công tác tuyên truyền của Mặt trận và các đoàn thể trong việc thực hiện. Đặc biệt, coi trọng việc phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân trong bàn bạc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội ở từng địa phương, đơn vị mang lại hiệu quả. Dân chủ trong sinh hoạt Đảng và trong xã hội tiếp tục được mở rộng, nâng lên; ngày càng đi vào nề nếp và đồng bộ hơn, đem lại hiệu quả thiết thực trong giải quyết các công việc liên quan đến lợi ích hợp pháp và chính đáng của nhân dân. Thể hiện trên những nội dung cơ bản sau:

Ngay sau khi tiếp nhận, Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị triển khai Chỉ thị số 30-CT/TW và Nghị định số 29/1998/NĐ-CP của Chính phủ